

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 9

1. Lương Vũ Đế:

Nhà Lương: Họ Tiêu, gồm bốn đời vua, đóng đô ở Kiến Khương.

Lôi Thị nói: Cao, Thái, Thế, Kính, nhà Lương gồm bốn đời vua, trị vì được năm mươi bảy năm.

Cao Tổ Vũ Hoàng đế: Tên là Diễn, tự là Thúc Đạt, người ở Nam Lan, Lăng Đô, cùng họ với Tề, cũng là cháu hai mươi bốn đời của Hán tướng quân Tiêu Hà. Cha ông là Thuận Chi, làm Lệnh doãn Đan dương, mẹ là Trương Thị. Ông sinh ra có tướng mạo rất kỳ vĩ. Đầu vuông trán rộng, trên cổ có vòng tròn sáng. Sau khi nhận ngôi từ nhà Tề, ông rất sùng kính Phật pháp. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thiên Giám. Tướng hàng đầu là Hầu Cảnh làm phản, đem binh vây hãm ông ở Đài Thành, ông tuyệt thực rồi mất ở điện Tịnh Cư, thọ tám mươi sáu tuổi, trị vì bốn mươi tám năm.

Có người hỏi rằng: Lương Vũ Đế trọn đời phụng Phật nhưng lại bị chết khốn ở Đài thành. Vậy Phật pháp linh nghiệm ở chỗ nào?

Xin đáp rằng: Hễ có nghi tất có chê trách. Thân mạng con người do nghiệp lực quyết định. Nếu nghiệp trong đời trước đủ duyên hội tụ, thì thiện nghiệp đời này lẽ đâu đủ sức để giải tỏa được ư? Thế nên Văn Trọng Tử nói: Trai giới tu hành nhưng nước Lương bị nguy khốn, đâu phải lỗi của Thích-ca. Do lỗi lầm của Tề Phế đế nên mới gặp phải Hầu Cảnh vây khốn ở Đài thành. Lý của nghiệp đã rõ ràng như vậy, có gì phải nghi.

2. Đào Hoàng Cảnh viết Thái Thanh Kinh:

Thái Thanh kinh của Đạo gia và Chúng Tiểu Nghi gồm mười quyển do Đào Hoàng Cảnh vọng tạo vào đời Lương.

3. Vua ban chiếu cho Bảo Chí Tùy Tiệt Giáo Hóa:

Vũ Đế hạ chiếu rằng: “Đại sĩ Bảo Chí, dấu tích còn bố buộ cỡi

trần, nhưng thần thức đã dạo chơi cõi Tịnh. Nước lửa chẳng thể nhận chìm đốt thiêu; rắn, cạp chẳng hề làm ngài hoảng sợ. Mỗi khi luận bàn Phật lý đều diễn thuyết từ Thanh Văn trở lên, hễ nói đến kẻ ẩn tu thì bàn từ độn tiên lên nữa, như vậy lẽ đâu đem cái thấy biết phàm tình, dùng cái lẽ lối thế tục mà nghi kỵ ông ấy ư? Trẫm nay hạ chiếu cho phép ngài tự do giáo hóa từ trong nước đến ngoài nước.”

Một hôm, vua hỏi ngài:

- Đệ tử chưa trừ phiền não hoặc nghiệp, nay làm sao để trừ được?

Ngài đáp:

- Mười hai.

Vua hỏi:

- Ý chỉ thế nào?

- Ngay lúc viết chữ cần phải tiết chế lậu hoặc trong lòng.

Vua nghe lại càng không hiểu.

Hôm khác vua lại hỏi:

- Vận nước có khó bảo tồn không?

Ngài bèn chỉ lên cổ nhà vua.

Vua hỏi:

- Trẫm giữ ngôi được bao lâu?

- Nguyên gia, Nguyên gia!

Vua nghe vậy rất vui mừng vì nghĩ rằng mình trị vì lâu gấp đôi Tống Văn Đế.

Trong những năm đầu lúc mới thay đổi đế chế, vua dùng chánh sự rất hà khắc. Bảo Chí thường dùng thần lực khiến vua thấy các bậc tiên quân chịu cực hình nơi địa ngục, từ đó vua giảm bớt việc hành hình.

Có lần vua hạ chiếu cho thợ vẽ Trương Tăng Diêu họa tượng của ngài. Tăng Diêu hạ bút nhưng không cách nào vẽ được. Sau đó ngài dùng tay vuốt mặt một cái, trên mặt ngài bỗng xuất hiện mười hai Bồ-tát Quán Thế Âm. Mỗi khuôn mặt đều cực kỳ trang nghiêm, Từ bi có, uy nghiêm có. Rốt cuộc Tăng Diêu không vẽ được.

Ngày nọ, ngài cùng Vũ Đế đến bến sông ngắm cảnh. Bỗng có một vật lạ bập bềnh trên mặt nước, ngài dùng gậy kéo vào. Vật ấy bám theo gậy trôi vào. Vớt lên thì đó là khúc gỗ Chiên-đàn màu đỏ tía. Vua bèn giao cho quan lại, xuống chiếu mời thợ tạc tượng ngài bằng khúc gỗ đó. Chỉ trong chốc lát tượng tạc xong ngay, thần thái như người sống. Vũ Đế hết sức vui mừng, an trí pho tượng ấy trong sân rồng.

Đương thời, Pháp sư Pháp Vân và Vân Quang là những người rất

được trọng vọng. Mỗi lần giáng pháp đều có hoa trời rơi xuống. Vua nghi hai vị ấy đã chứng Thánh. Đêm ấy, tại điện, vua đốt sớ thỉnh ngài cùng hai vị ấy đến thọ trai. Sáng hôm sau chỉ thấy một mình ngài đến, còn Pháp Vân, Vân quang chẳng hay biết gì cả. Từ đó vua càng rất kính trọng sự thần dị của ngài.

Có lần ngài cùng Vũ Đế lên chùa Định Lâm ở Chung sơn. Ngài chỉ một cái gò Long Cương ở trước mặt rồi nói: Đây là cái gò mà có vượng khí, sau này con cháu nối dõi không dứt.

Vua hỏi:

- Tôi với ngài ai được phước đó?

Ngài đáp:

- Ai chết trước thì được.

Đến năm thứ mười ba, ngài thị tịch. Vua nhớ lại lời ngài hỏi ấy, bèn dùng hai trăm bốn mươi ngàn cân vàng đổi lấy cái gò ấy an táng ngài, đồng thời xây ngôi tháp cao năm tầng, trên tháp an trí viên bảo châu vô giá. Vua xuống chiếu sai Vương Quân khắc bia ghi lại hành trạng của ngài.

Ngày an táng, vua xa giá đến trước linh vị của ngài. Ngài bỗng hiện thân trên mây, dân chúng than khóc chấn động cả núi. Từ đó muôn dân đều tế tự ngài. Đây là một trong những điềm lành kỳ dị mà ngài hiển linh. Những bài kệ sấm ký của ngài đều được ghi đầy đủ trong Nam sử. Ngài trước thuật Đại Thừa Tán gồm mười thiên, Khoa tụng gồm mười bốn thiên và Thập Nhị Thời Ca để lại cho hậu học. Nội dung đều xiển dương đạo lý nhiệm mầu, ý chỉ khế hợp với Tông môn. Những tác phẩm ấy đến nay vẫn còn lưu hành ở đời.

4. Phu Nhân Hy Thị Cầu Sám:

Lúc sinh ra bà, ánh sáng màu đỏ chiếu sáng cả nhà. Mọi vật dụng trong nhà đều phát sáng. Lớn lên, bà rất thông minh, giỏi chữ Lệ, đọc khắp thư sử. Các nghề nữ công khác bà đều rất rành. Quốc vương Tống, Tề đến cầu hôn nhưng cha bà không gả. Sau đó ông gả bà cho Vũ Đế, sinh được ba người con gái. Khi Vũ Đế làm thứ sử Ung châu thì bà qua đời.

Từ khi được làm phi, tánh tình bà hay đố kỵ, ghen ghét. Nên sau khi chết bà chịu quả báo làm thân mãng xà thường ở nơi hậu cung, báo mộng với Vũ Đế. Vũ Đế rất lo sợ. Con mãng xà thường quây đục nước ao trong cung, có khi hiện thành rồng ánh sáng chói lòa. Mãng xà có lần nằm phơi mình trên giếng, có khi tha cả áo quần lên xà nhà trên điện.

Vũ Đế phải dùng bình vàng đựng trăm thứ nước thơm để cúng. Từ đó đến cuối đời, Vũ Đế không hề bàn đến việc lập hoàng hậu nữa.

5. Bài văn phát nguyện bỏ tà quy chánh của vua:

Ngày tám tháng tư niên hiệu Thiên Giám thứ ba, vua nhóm họp cả Tăng tục gồm cả thầy hơn hai mươi ngàn người tại điện Trùng Vân. Vua tự chế ra bài văn phát nguyện, xin oai lực của Phật giúp ông vĩnh viễn bỏ Đạo giáo.

Trong ấy đại khái nói: “Kinh chép: Phát tâm Bồ-đề tức là tâm Phật. Tất cả những việc làm bất thiện của con thật không kể hết. Đệ tử do hiểu lầm chân kinh làm kẻ phản nghịch, mê đắm trong đạo Lão, từng bỏ đạo mầu, chìm trong tà pháp. Nay con rũ bỏ tâm tà quay về chánh giáo. Trong đời vị lai, con xin được làm kẻ đồng chân xuất gia, hồng truyền Thánh giáo, hóa độ hàm linh, chứng quả Bồ-đề, thường ở trong chánh pháp, không trầm luân trong ác đạo. Chẳng ưa nương theo Lão Tử tạm được thần tiên. Con xin phát tâm Đại thừa, vĩnh viễn rời xa tà kiến. Ngưỡng mong chư Phật chứng minh, Bồ-tát nhiếp thọ. Con xin đê đầu kính lạy”.

Ngày mười một, vua ban sắc lệnh cho quần thần: “Kinh nói: Trong chín mươi sáu thứ đạo, chỉ có đạo Phật là chánh đạo, còn lại đều là tà đạo. Trẫm nay bỏ Đạo giáo, thờ đạo chánh chân của chư Phật. Công khanh đại thần người nào muốn làm theo lời phát nguyện này thì phải phát tâm Bồ-đề. Những người như Lão Quân, Chu Công, Khổng Tử... đều là đệ tử của Như Lai nhưng giáo hóa theo lý tà hoặc chỉ là những điều thiện trong phạm vi thế gian, nên không thể chuyển phạm thành thánh được. (Phần này ghi đủ trong Hoàng Minh tập).

6. Hà Diễm, Hà Dận không làm quan:

Năm này, vua hạ chiếu mời Hà Diễm vào triều. Diễm mặc áo vải vào triều kiến. Vua ban rượu cho ông, phong ông làm quan thế chức Thị trung. Hà Diễm bước khỏi chiếu rượu thưa:

- Bệ hạ có muốn thân như Lão Tử không?

Rồi ông kiên quyết chối từ không chịu làm quan.

Vua lại hạ chiếu mời Hà Dận vào triều. Dận nói với sứ giả:

- Ta nay đã năm mươi bảy tuổi rồi, một tháng ăn không hết bốn đấu gạo, lẽ đâu lại có ý muốn làm quan ư?

Vua biết không thể thay đổi chí khí của ông, bèn hạ chỉ cấp cho ông áo trắng cùng bổng lộc ngang hàng với chức Thượng thư. Dận chối

từ không nhận. Về già ông vào Tây tự trong Hồ Khâu giảng kinh Duy-ma. Lúc sắp mất, ông nằm mộng thấy có hơn sáu mươi tiên nữ xếp hàng phía trước. Đến lúc tỉnh dậy vẫn thấy họ còn đứng. Ông liền tắm gội sạch sẽ, thay quần áo, lát sau thì ông mất. Họ Hà kể từ Tấn Tư Đồ Hà Sung, Tống Tư Đồ Hà Thượng Chi đều là những người xiển dương nghĩa lớn, nêu tỏ Phật pháp, nhiều đời kế thừa tông phong. Đến cháu của Hà Dận là quan Thị trung Hà Kính Dung thì hết.

7. Vua chú giải Đại Phẩm, mời Pháp sư Pháp Vân giảng:

Năm thứ năm, vua chú giải Đại Phẩm Bát-nhã, rồi mời Pháp sư Pháp Vân giảng. Pháp Vân cáo bệnh không đến. vua sai sứ đến cố mời cho được. Sứ giả nói:

- Mong ngài xiển dương chánh giáo, chẳng phải người tài cao đức trọng thì không kham nổi việc này.

Nghe vậy, Pháp Vân đành phải đi. Đương thời ngài là người rất được trọng vọng. Thái tử Chiêu Minh rất tôn kính ngài. Ngài là người đứng đầu trong những người ưu việt của Nho gia và Thích thị.

Mậu Tý: Ngụy đổi niên hiệu là Vĩnh Bình.

8. Ngụy chủ ưa chuộng Phật giáo: (Kỷ Sử)

Năm thứ tám, tại điện Thức Càn, Ngụy chủ đích thân giảng kinh Duy-ma-cật cho chư Tăng và triều thần nghe. Khi đó, Ngụy Chủ chuyên ưa chuộng Phật giáo, nhưng không hề để tâm đến chuyện đọc thư sử, điển tịch. Trung thư thị lang Bùi Diên Tuấn dâng sớ tâu:

- Thần nghe Hán Quang Vũ, Ngụy Vũ Đế dù trong buổi đao binh loạn lạc nhưng chưa từng bỏ sách. Tiên đế đem binh về kinh đô xong thì tay chẳng rời sách. Vì vậy mà sở học của các ngài ngày một nâng cao, chẳng bao giờ dừng lại. Bệ hạ lên tòa giảng kinh thuyết pháp, những người thấy nghe đều được khai mở lậu tỵ. Nhưng Ngũ kinh là nền tảng của việc trị thế, cần phải đặt nó hàng đầu. Cúi xin bệ hạ xem cả kinh điển, thư tịch Khổng, Thích cùng tồn tại thì trong ngoài đều chu viên, chân tục đều diễn xướng.

Thời bấy giờ, trừ Sa-môn ở Lạc Dương ra có đến hơn ba ngàn vị Tăng khác từ Tây Vực đến Trung Quốc. Ngụy Chủ bèn lập riêng chùa Vĩnh Minh để họ ở. Xa gần đều hưởng ứng, không ai không thờ Phật. Đến niên hiệu Diên Xương, trong tất cả châu quận có hơn mười ba ngàn ngôi chùa, Tăng chúng đông đến hai trăm vạn.

9. Vua hạ chiếu mời Tăng Môn giảng kinh Thắng Man:

Năm thứ mười, vua hạ chiếu thỉnh Pháp sư Tăng Môn vào điện Tuệ Luân giảng kinh Thắng Man. Vua cùng công khanh đều đến nghe pháp.

Vua lại hạ chiếu lập tám tòa pháp luân tại chùa Trang Nghiêm, rồi lựa chọn những Pháp sư lỗi lạc đến đây lần lượt thuyết giảng. Trong đó ngài Tăng Môn là người thuộc vào bậc nhất. Ngày ngài giảng, người nghe chật cả kinh đô, giảng đường dung chứa không hết.

Danh sĩ Lưu Diệp có lần hỏi ngài:

- Kiến thức Phật học của Pháp sư có thừa, thế tại sao mỗi lần xiển dương diệu nghĩa, ngài thường dùng những diệu lý của Nho gia?

Tăng Môn đáp:

- Xưa ngài Đạo Sinh dùng diệu chỉ đốn ngộ để đả thông kinh. Dương Thứ Công dùng Tỳ Đàm để xiển dương Luận. Còn như bản đạo không phải trước tiên dùng Nho gia để hạn cuộc Thánh giáo mà chỉ y cứ thú hưởng văn nghĩa mà thôi.

Sa-môn Đạo Siêu là người dốc chí tu học trong nhiều năm. Ông rất mến mộ tài thuyết giảng của ngài, thề rằng sẽ giảng như ngài. Đêm ấy, Đạo Siêu mộng thấy thần bảo rằng:

- Tăng Môn là người đã từng tuyên dương Thánh giáo trong thời Phật Tỳ-bà-thi. Ông là người mới phát tâm, làm sao ngang hàng với ông ấy được! Trước tiên ông phải cầu cho được thành danh, chứ đừng muốn ngang hàng với ông ấy làm gì!

Tính tình Tăng Môn khiêm cung, không cậy tài, không kiêu căng. Ông là người mà công khanh đạo tục đương thời vô cùng ngưỡng vọng.

Nhâm Thìn: Ngụy đổi niên hiệu là Diên Xương.

10. Vua viết bài tựa trong Niết-bàn Sớ:

Năm thứ mười một, vua có chiếu chỉ xin Pháp sư Bảo Lượng giao Niết-bàn Nghĩa Sớ cho mình, vua tự tay viết lời tựa. Đại khái nói: “Lìa văn tự để thi thiết giáo, tránh tâm tướng mà thông suốt đạo, muốn làm cho đá Mân ngọc quý khác giá, sông Kinh, sông vị chia dòng nên điều chế Lục sư mà khuôn chánh Từ đảo, dẫn dắt tám tà quy về một mối. Được như vậy thì mưa pháp chảy tràn, giống héo trở nên ươm xanh. Mặt trời trí tuệ lên cao thì đêm đen tan biến; khai phát mật ngữ của Ca-diếp, mở bày chân ngôn của lễ thật. Dù ba cách thi thiết nêu bày ở trước, năm điều căn bản nêu bày ở sau, nhưng ba mươi bốn vấn nạn vẫn thấp cao,

hơn kém. Giải đáp biện luận phải tùy duyên mà khuyến phát. Tóm lại, luận kinh không ngoài hai đường. Phật tánh mở ra cội nguồn sẵn có, Niết-bàn khai mở ý chỉ đồng quy, chẳng phải nhân quả, chẳng hề dựng lập, tạo tác. Nghĩa thì nêu cao muôn thiện, sự thì dứt tuyệt trăm lỗi. Nó vốn rỗng rang chẳng thể đo được biên tế. Nó vốn diệu huyền chẳng thể suy tìm được diệu môn. Nếu chẳng phải trí đức bình đẳng, tâm khế với vô sinh, thì tường vàng nhà ngọc lẽ đâu dễ dàng vào được!

11. Tế Tự Tông Miếu không được sát sinh: (Quý Ty).

Năm này vua hạ chiếu rằng: “Chúng ta là người vâng giữ giới Phật, nên việc tế tự tông miếu chỉ dùng rau quả, không dùng rượu thịt nhằm diệt bớt tánh tham, đoạn tuyệt ham muốn. Những loài trên không, dưới nước đều không được săn bắt. Vua lại ra sắc lệnh cho thái y không được dùng thịt làm thuốc. Công khanh đại thần mặc gấm lụa đều bị cắt hết. Vua còn trừ thuật bài văn Đoạn Tử Nhục và bài phú Tịnh Nghiệp để cảnh tỉnh cho đời.”

Giáp Ngọ: Thiên Giám thứ mười ba, Hòa thượng Chí Công thị tịch.

12. Trung Thực Luận của Thẩm Hưu Văn:

Thẩm Ước tự là Hưu Văn, người ở Vụ Châu, Đông Dương. Mắt trái có hai đồng tử, lưng có nốt ruồi màu đỏ. Thuở nhỏ vốn là thư sinh, thanh danh chấn động một thời, tánh khí rất phong lưu. Dáng người ông thanh mảnh, ốm, người đương thời gọi ông là Thẩm Lang Sấu (chàng Thẩm ốm). Ông rất được Vũ Đế trọng vọng. Sự nghiệp làm quan của ông có ghi đủ trong Nam sử.

Có lần ông đề bạt việc tuyển chọn lại thanh luật để cải cách cổ thi, đời sau thường theo cách phân chia thanh luật này và gọi đó là Tứ thanh.

Thẩm Ước rất tinh thông Phật lý. Ông trước tác Trung Thực Luận, chỉ thú rất cao xa. Trong ấy đại loại viết:

“Con người sở dĩ không chứng được đạo là do tâm thần mê muội. Tâm thần sở dĩ mê muội là do ngoại vật nhiễu loạn. Nhiễu loạn càng nhiều thì hình thành nên ba việc:

1. Thế lực, lợi danh.
2. Gian trá, kiêu căng.
3. Thân thể béo phì.

Danh lợi làm chủ thân tâm thì không bao giờ sửa được lỗi lầm của

mình. Gian trá kiêu căng đã sâu dày, thân thể béo phì thì khó mà dứt được. Muôn sự rối bời đều khởi nguyên từ ba thứ ấy.

Bậc Thánh thấy rõ nên dứt bỏ ba việc ấy, một lòng cầu đạo. Đó là phương pháp đơn giản và dễ thực hành. Nói rõ ra thì chúng ta cần phải cấm tuyệt ba việc mê lầm ấy. Nhưng trái lại con người thường bị ba thứ này mê hoặc, lúc nào cũng nhớ nghĩ đến nó. Dù có chiếu chỉ cấm cản nhưng sự thật cũng khó làm cho dứt ráo.

Ví như con thuyền vượt sông, lẽ đâu không muốn nhắm thẳng qua bờ bên kia. Nước sông cuộn cuộn, nếu không vượt thẳng thì phải men theo dòng nước, không bao lâu cũng qua được, không phải không mong cho mau, nhưng tiến trình cũng rất khó. Muốn cấm ba việc đó tất phải có nguyên do. Vì sao? Vì việc ăn uống đối với con người không thể dừng ngay trong một lúc được. Tình thức chúng sinh bị hệ lụy trong đó quá sâu dày. Cho nên tốt nhất dồn bữa ăn tối cho bữa ăn trưa. Từ trưa đến tối, thân thể mới nhẹ nhàng thư thái, do đó không còn nhớ nghĩ đến ăn uống thì thân tâm mới được thông dong. Cứ làm nhiều ngày như vậy, câu thúc sự ham muốn trong giới cấm thì tâm ham muốn kiêu mạn không còn phát sinh. Danh lợi và những thứ khác cũng theo đó mà thay đổi. Nên nói: “Chư Phật trong quá khứ không ăn quá ngọ” là thế. Đó là nền tảng cơ bản để thay đổi những ràng buộc, là con đường thẳng tắt để đi đến đạo lớn”.

Có nhiều người mê lầm cho rằng, nếu không ăn tức là lầm đường, nhưng đâu biết con đường mình đi sẽ dẫn mình về đâu?

Ông có lần trừ tác phẩm Thiết Hội. Nội dung nói rằng, lúc Như Lai còn trụ thế, chúng Tăng trong già lam không được chứa thức ăn. Sắp đến ngọ thì chia nhau đi khát thực để tạo phước cho chúng sinh. Những việc ấy, chúng Tăng ngày nay đều bỏ hoặc làm trái lại. Không những chẳng đi khát thực, thậm chí còn cất chứa thức ăn thơm ngon trong nhà trù. Hoặc có người được thỉnh đi thọ trai, gặp phải rau dưa thì bảo rằng quá dở ăn không được. Như vậy là thật tâm với đạo ư?

Luận ấy lại viết: “Người xuất gia vốn phải đi khát thực. Giới luật có nói rõ, không cho phép chứa thức ăn trong nhà trù, cũng như không được nuôi đầu bếp. Ngày nay những người tôn túc trong chùa quan bỏ mất việc khát thực. Hoặc cũng có người đi, nhưng mới ra tới cửa thì bị chê là Tăng ấu trĩ, bị Tăng chúng chê cười nên không khát thực nữa.

Những kẻ hậu học, một mực cầu lý thì ít, lại bảo rằng việc khát thực không thể làm được. Bậc tôn quý như Chuyển luân vương con của Tịnh Phạn vương mà còn khát thực để tạo phước cho chúng sinh, huống

gì chỉ chưa đến ngàn năm sau, những Sa-môn phàm tục lại tự mình ngộ giáo ăn đầy bụng, ngậm đầy miệng mà được sao?

Khất thực và được thỉnh thọ trai là hai việc giống nhau. Ngày nay, có những người không chịu đi khất thực, mà chẳng chịu phở trai khi được thỉnh. Như vậy thì rõ ràng đã nhầm lẫn trong việc khất thực, mà phương pháp khất thực cũng bị lu mờ. Phương pháp này mà lu mờ thì Tăng chúng không phải là dòng giống Phật. Giống Phật đã cách xa thì Tam bảo làm sao duy trì được.

Tác phẩm của Thẩm Ước có đến hơn trăm quyển, đều được lưu hành ở đời.

13. Ngụy Hồ Thái hậu dựng chùa: (Ất Mùi)

Năm này, Ngụy Hồ Thái hậu dựng hai ngôi chùa là Vĩnh Ninh và Thạch Quật. Cả hai ngôi đều làm rất công phu, đều nằm ở địa thế rất tốt, nhưng chùa Vĩnh Ninh thịnh hơn. Trong chùa có pho tượng Phật bằng vàng, cao một trượng tám thước. Lại có mười tượng khác rất giống người Trung Quốc, có ngôi tháp cao chín tầng. Phía dưới lại cho đào suối vàng, tháp suối cách nhau chín mươi trượng. Phía trên lại dựng ngôi chùa cao mười trượng. Hằng đêm, vào lúc thanh vắng tiếng linh tiếng chuông vang xa hơn mười dặm. Điện Phật trông giống như điện Thái Cực. Ba cửa đều là cửa chính, có hơn một ngàn Tăng phòng, được trang trí bằng ngọc, châu, gấm, lụa làm người xem phải khiếp vía. Không bao lâu, sấm chớp nổi lên thiêu đốt mất tháp xa gần đều thấy trong ngọn lửa bùng bùng, ngôi tháp bay bổng lên không rồi mất hút. Hơn một tháng sau, có người từ Đông châu đến nói rằng: “Ngày hôm đó ông thấy ngôi tháp bay bổng trên không ra hướng biển, mọi người đi biển hôm đó đều thấy cả”.

Bính Thân: Ngụy Hiếu Minh đế, tên là Hủ, con thứ của Tuyên Vũ Đế. Ông lên ngôi năm sáu tuổi, Hồ Thái hậu lâm triều giải quyết chính sự. Ông đổi niên hiệu là Hy Bình, mất năm mười chín tuổi, an táng ở Định lăng, trị vì mười hai năm.

Mậu Tuất: Ngụy đổi niên hiệu là Thần Quy.

14. Tuệ Kiểu soạn Cao Tăng Truyện: (Kỷ Hợi)

Do Bảo Xướng tuyển chọn danh Tăng truyện có phần không chính xác. Nên Sa-môn Tuệ Kiểu ở Cối kê mới soạn Cao Tăng truyện gồm mười bốn quyển. Bắt đầu từ niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười đời Hán đến năm này, cả thảy bốn trăm năm mươi ba năm, gồm hai trăm năm mươi

bảy cao Tăng. Trong đó được xếp theo mười loại. Trong bài tựa, tác giả viết: “Ngày xưa tuyển chọn, gom tập hầu hết gọi họ là danh Tăng. Thế nhưng danh là khách của thật. Nếu thật hạnh của họ ngấm sáng tỏ bên trong thì họ là cao Tăng mà không phải là danh Tăng. Nếu người thiếu đức nhưng gặp thời thì được gọi là danh Tăng chứ không phải là cao Tăng. Lẽ đâu chúng ta ghi chép những người này. Những người có tài đức cao nhưng không có thanh danh tiếng tăm thì được ghi đầy đủ ở đây”. Ai nấy đều cho rằng lập luận của ngài rất chính xác.

15. Hai vị Tăng thần dị: Tăng Lãng, Đạo Anh.

Thích Tăng Lãng thường tụng Pháp Hoa, phong thái rất thanh cao, ăn uống rất bất hường. Mỗi lần ngài đi đều có một con chó và một con khỉ đi theo. Hằng ngày khát thực được thức ăn ngon, ngài đều để trong cái bát gỗ. Khi ăn xong, ngài đem thức ăn thừa cho chó và khỉ ăn. Ngài có tài thụt đầu thụt cổ như rùa. Có lần ngài rút tay chân, thụt đầu cổ vào trong cơ thể, chẳng còn thấy tay chân, đầu cổ ngài đâu cả. Có lúc ngài lên thuyền, ngài ngồi giữa, chó khỉ phủ phục hai bên, chẳng cần chèo chống mà con thuyền ngược dòng lao đi vun vút.

Pháp sư Đạo Anh, ban đầu ẩn tu thiền định tại Thái Hành sơn, tàn cây đan kết thành tán rộng che phủ ngài. Về sau, ngài bỏ đi nơi khác, đến đầm Long Đài, ngài xem cá bơi lội trong nước thấy thích vô cùng, bèn cởi áo lội xuống đáy sông và ngồi thiền dưới ấy đến bảy ngày mới lên. Có lần vào mùa đông lạnh giá, ngài nhìn những tảng băng trong suốt thấy thích thú vô cùng, bèn nằm trên ấy suốt đêm mới ngồi dậy. Về già, ngài ở trong chùa Phổ Tế tại Bảo Châu. Một hôm giảng Khởi Tín Luận, đến đoạn Chân Như Môn bỗng nhiên ngài tắt thở. Ai nấy đều cho rằng ngài đã chết. Trong đó có người biết liền bảo mọi người rằng: “Đó nhập diệt tận định đấy”. Quả nhiên ba ngày sau ngài tỉnh lại.

Canh Tý: Đổi niên hiệu là Phổ Thông, Ngụy đổi niên hiệu là Chánh Quang.

16. Vua thọ Tam quy Ngũ giới:

Niên hiệu Phổ Thông năm đầu, Minh Đế cho dựng Viên đàn trong cấm thành để thọ Tam quy Ngũ giới. Vua tuyển chọn Sa-môn có đức hạnh cao tốt để tôn làm thầy. Bá quan trong triều đều cho rằng Pháp sư Tuệ Ước là người có tài đức nhất. Vua liền hạ chiếu thỉnh, Tuệ Ước dùng lễ khiêm nhường chối từ không nhận.

Tháng tư năm Đinh Ty, vua thân hành đến hỏi đạo, dâng lễ mời

ngài truyền thọ giới Cụ túc. Đang trong lúc Yết-ma, bỗng có cam lồ chảy xuống trước sân, lại có chim xích ô và hai con khổng tước bay đến phủ phục trước thêm. Vua hết sức vui mừng, liền ban cho ngài hiệu là Trí Giả. Từ đó, mỗi khi ngài vào triều, vua thường chuẩn bị giường chõng đặc biệt để ngài nằm, còn vua chỉ đứng một bên. Thái tử, chư vương, công khanh, đạo tục có đến bốn mươi tám ngàn người theo ngài thọ giới. Những Sa-môn dù ở tuổi cao cũng theo ngài thọ giới. Chỉ có Pháp Vân Công là không thọ. Ông nói: “Ta đã đắc giới rồi, lẽ đâu vì người khác mà ta mới phụng trì Phật pháp sao?” Bấy giờ ai nấy đều rất đề cao ngài.

17. Thiên sư Đạt chứng đắc Thủy quán Tam-muội:

Thời bấy giờ có Thiên sư Đạt chứng đắc Thủy quán Tam-muội. Mỗi lần nhập định này, có người nhìn thấy nước trong xanh đóng băng đầy cả thất. Sa-môn Đạo Thiên thường giao du với ngài. Thiên chứng đắc Hỏa Quang Tam-muội. Tịnh thất mà ngài ở đêm nào cũng sáng rực.

18. Pháp sư Tạng can gián vua dùng Luật của Tăng:

Minh Đế để tâm nghiên cứu đến pháp môn, thời bấy giờ Tăng chúng phần nhiều hay phóng túng, Tăng chủ quán xuyên không nổi. Vua rất lo ngại, muốn tự mình dùng Luật của Tăng để sửa đổi họ. Vua hạ chiếu báo khắp các bậc đại đức trong kinh thành, chẳng ai dám bàn luận gì cả. Chỉ có Pháp sư Tạng cho rằng, Phật pháp thâm sâu, đâu phải một người có thể gồm thâu hết được, nên không phụng chiếu. Vua mắng ngài, rồi triệu ngài vào điện Quang hoa để hỏi tội. Ngài vạch thẳng chiếu chỉ, biện luận đều có chứng cứ. Cuối cùng vua không khuất phục ngài được, bèn nghe theo ngài. Tạng quay lui nói với Tăng chúng:

- Trên phải lấy Phật pháp làm trách nhiệm của mình, phải thành thật mà quyết đoán phải trái. Những kẻ làm vua quan, có gia đình con cái, đâu đủ tư cách để xưng là Từ phụ. Nay trà trộn dân chúng trong năm phương làm thành bản thân một mình mình, rồi dùng xấu tốt để trói buộc họ. Giới luật sắp lụi tàn rồi! Các ông chẳng hề để tâm suy nghĩ việc ấy là tại sao?”

Pháp Vân Công nghe vậy khen:

- Giáo lý thâm sâu chưa thể ngợi khen cho cùng tận, nhưng sự việc hôm nay cũng đáng làm tôi phải thấy hổ thẹn, kính phục.

19. Pháp sư Tạng leo lên ngự tòa:

Từ khi thọ giới Cụ túc, chỗ ngủ của vua cũng sơ sài như Sa-môn. Bất cứ nơi nào trong cung cấm cũng đều cho Tăng chúng đến xem, chỉ cấm không ai được leo lên ngự tòa mà thôi.

Một hôm, Tạng vào điện, leo thẳng lên ngự tòa. Tả hữu la hét ngăn lại. Tạng nói:

- Bản đạo là hậu duệ của Định Quang Kim Luân, lẽ đâu lại sợ cái ngự tòa này sao? Giả sử ta có bị giết chết cũng chẳng lo là không có nơi thác sinh.

Vua nghe vậy không bắt tội ngài. Thuở nhỏ, Tạng gặp thầy tướng, ông ấy nói: “Pháp sư thọ không quá ba mươi một tuổi.” Tạng lo sợ nên ngày nào cũng tụng Kim cang Bát-nhã. Đến kỳ mãn thọ, ngài nằm mộng thấy ông thầy tướng ấy lại đến và nói: “Nhờ oai lực của Bát-nhã mà tuổi thọ của Pháp sư được tăng gấp đôi”.

Có lần ngài mộng thấy Duy-ma-cật vào phòng của mình đàm đạo. Đến khi chia tay thường có những đám bụi trắng bay theo ngài Duy-ma-cật. Từ đó tài biện luận của ngài càng xuất chúng.

20. Ngụy luận về Phật giáo, Đạo giáo:

Niên hiệu Chánh Quang năm đầu, Hiếu Minh Đế hạ chiếu mời Sa-môn, đạo sĩ vào trong cung giảng đạo. Bấy giờ đạo sĩ Khương Bân cùng Sa-môn Đàm Mô Tối biện luận với vua. Vua hỏi:

- Phật và Lão Tử đồng thời phải không?

Khương Bân đáp:

- Theo Khai Thiên kinh ghi: “Lão Tử qua Tây hóa làm người Hồ, Phật cho ông ấy làm thị giả. Đó đủ thấy hai Thánh nhân ấy đồng thời.

Đàm Mô Tối hỏi:

- Lão Tử sinh vào năm nào trong đời Chu?

Bân đáp:

- Định Vương năm thứ ba thì sinh. Giản vương năm thứ tư làm quan nhà Chu. Kính vương năm thứ tư thì đã tám mươi lăm tuổi thác sinh qua phía Tây hóa thân là người Hồ.

Đàm Mô Tối nói:

- Đức Phật đản sinh vào thời Chu Chiêu vương năm thứ hai mươi bốn, diệt độ vào Mục vương năm thứ năm mươi hai. Từ lúc Thế Tôn diệt độ đến Định vương năm thứ ba gồm ba trăm bốn mươi lăm năm. Khi ấy Lão Tử mới sinh. Đến Kính vương năm đầu Lão tử qua Tây thì Thế Tôn diệt độ đã bốn trăm hai mươi lăm năm rồi. Theo đó thì Thế

Tôn và Lão tử cách nhau rất xa, nhưng nay lại nói hóa Hồ chẳng phải là sai lầm đó ư?

Bân hỏi:

- Phật sinh vào thời Chu Chiêu vương, sách nào ghi lại việc đó?

Tối đáp:

- Trong Chu Thư Dị Ký và Hán Pháp Bản Nội Truyện đều có ghi việc đó?

Bân hỏi:

- Khổng Tử đặt ra phép tắc đều có ghi chép lại, Phật không ghi chép là tại sao vậy?

Tối đáp:

- Khổng Tử có Tam Bị, Thập Kinh. Đó là Thiên, Địa, Nhân, Văn tự và lời lẽ của Phật vượt ngoài Tam Bị.

Bân hỏi:

- Khổng Tử là Thánh nhân, sao chỉ có Thập Kinh?

Tối đáp:

- Phật là vua của chúng sinh, thấu đạt đời trước đời sau của tất cả chúng sinh. Những việc kiết, hung, sau, trước đều chẳng nhờ vào bói toán. Ngoài ra những bậc Tiểu thánh khác dù cũng hiểu nhưng không được như vậy, do đó phải dựa vào bói toán mới thông được họa phước.

Bấy giờ, Thị trung Lưu Đãng tuyên chiếu của vua rằng: “Khương Bân biện luận không có căn cứ nên lui ra.”

Vua hỏi Bân:

- Khai Thiên Kinh từ đâu mà có, ai nói kinh này? Ông hãy mau đem đến đây?

Bân đem kinh đến. Vua ra lệnh quần thần đoán định thật giả. Bấy giờ thiếu úy Tiêu Tông, thái phó Lý Thập liền cùng công khanh, đại phu cả thảy hơn một trăm sáu mươi người cùng xem và quyết đoán, rồi tâu rằng:

- Lão Tử chỉ nói năm ngàn lời, còn lại không phải ông ấy nói. Nay những điều mà Khương Bân y cứ, lời lẽ thì quê mùa, tông chỉ thì lầm lẫn. Đã vậy còn đổ cho tiên sư, xem thường cả Thánh đức, đáng tội mê hoặc mọi người.

Vua chấp thuận, sắp dùng cực hình với Khương Bân. Khi ấy Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi tâu vua xin cho miễn tội. Bân bị lưu đày đến Mã ấp.

Đàm Mô Tối là người rất giỏi về giáo lý Đại thừa, Tiểu thừa, lại là người xiển dương Luật. Hồi ấy, ngài giảng Luật tại Hàm Đàng, đạo

tràng thường có hơn sáu mươi dị Tăng xếp hàng nghe giới. Mỗi lần gặp ngài Lưu-chi thường tôn xưng ngài là Đông Phương Khai Sĩ.

21. Ngụy Thư Phật Lão Chí:

Trong Ngụy Thư Phật Lão chí nói: “Đạo gia khởi nguyên từ Lão tử. Ông ấy nói: Đầu tiên sinh ra trời đất để nuôi dưỡng muôn vật. Trên thì ở trong Ngọc Kinh làm chủ thần vương, dưới thì ở trong Tử vi làm chủ Phi tiên. Đạo có thiên biến vạn hóa, có đức không đức, tùy cơ ứng vật dấu tích khác thường, ông truyền đạo cho Huyền Viên ở Nga My, dạy Đế Khốc ở Mục Đức. Đại Vũ nghe thuật trường sinh, Doãn Hỷ nhận Đạo Đức kinh. Đến các kinh như: Đan Thư, Tử Tự, Thăng Huyền, Phi Bộ đều là những triết lý ngọc vàng, diệu linh, sáng chói, thật không sao chép hết. Giáo lý của Đạo giáo đều trừ bỏ điều tà, gọi rửa tinh thần, lập hạnh tạo công, nuôi đức tăng thiện. Thậm chí như mặt trời lên cao, trường tồn trong nhân thế. Vì thế mà Tần Hoàng, Hán Vũ học theo chẳng ngừng, tận tâm tận lực một đời tìm cầu. Rốt cuộc chẳng đến được chỗ tốt cùng nên phải hối hận về sau. Vì vậy mà có mối hiểm họa tru di của Loạn Đại, Từ Thị. Nhưng cái đạo ấy mê hoặc người ta, kẻ theo học đâu chỉ một người. Linh Đế đặt lọng hoa ở Trạc long, dựng đàn tràng mà lễ lạ. Đến khi Trương Lăng truyền đạo ở Hạc Minh, nhân đó lưu hành cả một ngàn hai trăm Thiên Cung Chương bản. Đệ tử kế thừa, sự nghiệp rất thịnh. Những việc cúng tế quỳ lạ đều thành phong tục. Hồi ấy Tam Nguyên, Cửu Phủ, một trăm hai mươi cung, tất cả chư thần đều phải thần phục. Luận về về kiếp số có phần lấy cấp trong kinh Phật. Đến khi hết kiếp thì nói là trời đất đều tan hoại. Những sách ấy phần nhiều bị cấm xem đến, nếu không phải là môn đồ thì không được xem. Đến như những kỳ phương diệu thuật như Hóa Kim Tiêu, Ngọc Hành, Phù Sắc... có đến ngàn điều. Trước tiên nói là hóa thành loài có cánh bay lên trời, kế đến nói những việc tiêu tai giảm họa. Vì vậy những người ưa cái quái lạ thường phụng thờ kính ngưỡng.”

Hồi ấy, Văn Đế vào làm khách tại đất Tấn, tùy tùng của ông đều cho đó là lên cửa khuyết của tiên y. Thái Vũ thích những lời của Lão Tử nên thường tụng đọc không biết mỗi mật. Những loại kinh như Thiên Hưng, Trung Nghi, Tào Lang, Đồng Thụy, Thượng Phục, Thực Tiên có đến mấy ngàn thiên. Từ đó vua đặt ra chức tiên nhân, bác sĩ, lập tiên phường để nấu chế trăm thứ thuốc. Sắc phong cho vùng Tây sơn cung cấp củi nấu, rồi bắt những kẻ tử tội uống thử. Nhưng cuối cùng thuốc không hiệu nghiệm, ai uống cũng chết. Dần dần thái tử cũng chẳng còn

để ý đến, từ đó dừng hẳn việc luyện thuốc.

Nhâm Dân: Nguyện dùng lịch Chánh Quang.

Quý Mão: Đúc tiền bằng sắt. Dân chúng bắt chước đúc trộm rất nhiều, vật giá tăng vọt.

Ất Tỵ: Nguyện đổi niên hiệu là Hiếu Xương.

Đinh Mùi: Đổi niên hiệu là Đại Thông. Vua đến chùa Đồng Thái tập xuất gia.

22. Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma:

Ngài sinh trưởng tại vùng Nam Ấn, là con thứ ba của vua Hương Chí. Vua cha mất, ngài liền xuất gia và gặp được tổ thứ hai mươi bảy là Bát-nhã-đa-la truyền trao chánh pháp. Nhân đó ngài hỏi:

- Sau khi đắc pháp con hoằng hóa ở nước nào?

Tổ đáp:

- Sau khi ông đắc pháp, phải đợi ta diệt độ hơn sáu mươi năm, khi ấy ông hãy đến nước Chấn Đán mà hoằng hóa.

Ngài hỏi:

- Nơi ấy, có những bậc pháp khí kham lãnh kế thừa tông ta không?

Sau ngàn năm nữa có bị nạn không?

Tổ đáp:

- Nơi mà ông hoằng hóa ấy, những người chứng đắc Bồ-đề không sao kể hết. Sau khi ta diệt độ, nơi ấy sẽ bị kiếp nạn. Đợi đến lúc nào ông thấy chữ viết theo dòng nước trôi đến thì kiếp nạn đã lắng xuống. Khi ấy ông lập tức đi về phương Nam chớ có ở lâu nơi đây. Nghe ta nói kệ:

*Trên đường tránh nước lại gặp dê
Đơn thân độc mã lên vượt sông
Trọn ngày nuôi tiếc đôi voi ngựa
Hai gốc quế non mãi sum suê.*

Tổ lại đọc tiếp tám bài kệ khác, đều là những bài sấm ký dự đoán những việc sắp xảy ra.

Đến khi Tổ thị tịch, ngài hoằng hóa tại Nam Ấn. Gặp phải lúc cháu mình là Dị Kiến vương khinh chê Tam bảo, ngài đành dẫn đồ chúng đến xứ Ba-la-đề, hiển hóa thần lực khiến vua quy phục. Nghĩ đến nhân duyên đi đến nước Chấn Đán đã tới, ngài liền từ biệt đồ chúng. Bấy giờ, Dị Kiến vương xa giá đến gặp ngài. Ngài bảo vua:

- Ông hãy cố gắng tu phước, hộ trì Tam bảo, ta đi không bao lâu sẽ trở về ngay.

Vua khóc nói:

- Chú đã có duyên với nước kia, con không thể giữ chú ở lại được, chỉ mong chú đừng quên nơi chôn nhau cắt rốn này. Phật sự hoàn tất, chú nên về sớm.

Thế rồi vua chuẩn bị thuyền lớn cùng vật dụng cho ngài đi đường. Vua dẫn quần thần tiễn ngài ra cửa biển. Ngài cùng những người lái buôn đi thuyền đến Nam hải. Thứ sử Quảng Châu là Tiêu Ngang ra đón ngài rồi thỉnh ngài về phủ. Tiêu Ngang dâng biểu, vua có chiếu thỉnh ngài vào triều. Ngài đến, Vũ Đế hỏi:

- Từ khi lên ngôi đến nay, trăm lập chùa, chép kinh, độ Tăng nhiều không kể xiết, có công đức gì không?

Ngài đáp:

- Hoàn toàn không có công đức.

Vua hỏi:

- Tại sao không có?

Ngài đáp:

- Đó là quả nhỏ của trời, người, là nhân hữu lậu, tuy có nhưng không thật có.

Vua hỏi:

- Thế nào là công đức chân thật?

Ngài đáp:

- Trí thanh tịnh nhiệm mầu sáng suốt, thể tự rỗng lặng. Công đức như thế không thể dùng công đức thế gian để cầu được.

Vua hỏi:

- Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa?

Ngài đáp:

- Rỗng rang không Thánh.

- Người đối diện trăm là ai?

- Không biết.

Vua không hiểu được ý chỉ sâu xa. Ngài lưu lại mấy ngày rồi vượt sông vào đất Ngụy. Ngài ở tại chùa Thiếu Lâm ở Tung sơn, suốt ngày ngồi quay mặt vào vách. Bấy giờ có Thần Quang nhân được thần nhân mách bảo liền đến yết kiến ngài. Ngài vẫn ngồi yên chẳng ngoái đầu nhìn lại. Gặp lúc tuyết rơi, tuyết ngập đến đầu gối, vậy mà Thần Quang vẫn đứng mãi trong tuyết. Ngài thấy vậy thương xót bèn hỏi:

- Ông đứng mãi trong tuyết như vậy muốn cầu việc gì?

Quang đáp:

- Ngưỡng mong ngài Từ bi mở cửa cam lồ cứu độ chúng sinh.

Ngài nói:

- Diệu đạo vô thượng của chư Phật dù trải qua nhiều kiếp vẫn khó gặp, lẽ đâu kẻ tiểu đức tiểu trí khinh tâm ngã mạn mà muốn được lý chân thừa ư? Đó là việc làm khổ công nhưng vô ích thôi.

Thần Quang nghe ngài dạy như vậy khôn xiết vui mừng, liền lấy dao chặt cánh tay mình dâng trước ngài tỏ lòng tha thiết cầu đạo. Ngài nói:

- Lúc bắt đầu cầu pháp, chư Phật thường trọng đạo quên thân, nay ông chặt cánh tay trước mặt ta, chứng tỏ tâm cầu đạo của ông cũng tạm được.

Nói xong ngài bèn đổi tên Thần Quang thành Tuệ Khả. Quang lại hỏi:

- Pháp ấn của chư Phật con có thể nghe được chăng?
- Pháp ấn của chư Phật không phải từ người khác mà được.
- Tâm con chưa an, xin thầy dạy pháp an tâm.
- Ông đem tâm ra đây ta an cho.
- Con tìm hoài nhưng chẳng thấy.
- Vậy là ta đã an tâm cho ông rồi đó.

Lát sau ngài bèn giảng sơ lược về bốn hạnh để vào được cửa ngõ Đại thừa cho Tuệ Khả nghe. Ngài luận:

- Vào đạo có nhiều lối, nhưng chủ yếu có hao lối quan trọng đó là Lý nhập và Hạnh nhập.

1. Lý nhập là gì? Đó là nhờ kinh giáo để ngộ được tâm tông, tin sâu chúng sinh đồng một chân tánh. Vì bị khách trần vọng tưởng ngăn che nên không thể hiển bày được. Nếu bỏ vọng về chân, ngưng trụ bích quán thì không còn đối đãi, chẳng thấy tự tha, phàm thánh bình đẳng. Cứ an trụ vững chắc không dời, không bị rơi vào giáo điều nào khác. Như vậy là thâm hợp với đạo, không còn phân biệt, lạng lẽ vô vi. Đó gọi là Lý nhập.

2. Thế nào là Hạnh nhập? Hạnh nhập gồm có bốn hạnh:

Báo oán hạnh: Phàm người tu hành, ngay lúc bị khổ, cần phải nghĩ rằng từ nhiều kiếp đến nay ta bỏ gốc theo ngọn, vọng sinh chấp trước, sinh nhiều yêu ghét, dị họa không thôi. Ngày nay tuy ta không phạm cấm giới, nhưng phải chịu quả báo vì những nghiệp ác tác tạo trong quá khứ đã thuần thực. Nghiệp ác ấy chẳng phải trời người có thể thấy được. Lúc gặp khổ phải cam tâm gánh chịu, chớ có oán hận. Khi khởi tâm quán chiếu như vậy thì tương ứng với lý, nhờ thấu hiểu được oán mà tiến tới đạo.

Tùy duyên hạnh: Chúng sinh vốn vô ngã, do tùy nghiệp duyên mà lưu chuyển, nhận khổ nhận vui đều là tùy duyên. Dù được quả báo thù thắng như vinh hoa, danh dự... cũng là do nhân duyên trong quá khứ hình thành mới được như vậy. Duyên hết thì vẫn hoàn không, có gì đáng vui đâu! Được mất tùy duyên, tâm không thêm bớt, gió vui không làm mình lay động thì ngầm hợp với đạo.

Vô sở cầu hạnh: Thế gian mê muội, tham cầu đủ điều, kể trí thức được lẽ chân, an tâm vô vi. Mọi thứ đều là khổ không, không có thật thể để mong cầu, nương tựa. Ở trong ba cõi chẳng khác nhà lửa, có thân thì có khổ, có ai được yên đâu? Hiểu được chỗ này thì dứt niệm không mong cầu. Kinh nói: “Có mong cầu tất có khổ, không mong cầu mới an vui”. Thế nên, không mong cầu mới đích thật là đạo hạnh.

Xứng pháp hạnh: Lý là bản tánh thanh tịnh, phải lấy đó làm pháp. Muôn tướng trạng của lý này vốn rỗng rang, chẳng hề nhiễm trước, dứt tuyệt đối đãi. Kinh nói: “Pháp không có ngã, vì nó lìa khỏi uế trước của ngã”. Người trí tin hiểu lý này cần phải ứng pháp mà thực hành. Thể của pháp không có xan tham, nên đối với thân mạng tài sản cần phải xả thí hết. Tâm không có tham tiếc. Cần phải thể đạt ba thứ ấy vốn rỗng rang, không nương tựa chấp trước. Do không còn cầu nhiễm nên giáo hóa chúng sinh mà không chấp tướng. Đó là tự hành mà cũng là lợi người. Muốn trang nghiêm chánh đạo Bồ-đề cần phải bố thí như vậy. Năm hạnh còn lại cũng như thế, cốt là phải trừ được vọng tưởng, tu hành lục độ mà chẳng thấy mình tu hành.

Tháng mười, niên hiệu Đại Đồng năm đầu, ngài sắp thị tịch, lúc ấy có Đạo Phó, Ni Tổng Trì, Đạo Dục và Tuệ Khả đứng hầu. Ngài nói:

- Đã đến lúc ta đi rồi, mỗi người nên nói chỗ chứng đắc của mình đi.

Đạo Phó thưa:

- Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đây là dụng của Đạo.

Ngài bảo:

- Ông được phần thịt của ta.

Ni Tổng Trì thưa:

- Theo chỗ thấy của con, như tổ A-nan thấy cõi Phật A-súc, chỉ một lần thấy chẳng bao giờ thấy lần nữa.

Ngài bảo:

- Người được phần da của ta.

Thiền sư Đạo Dục bước ra thưa:

- Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng có, chỗ thấy của con không một pháp nào có thể nắm bắt.

Ngài bảo:

- Ông được phần xương của ta.

Đến lượt Tuệ Khả, chỉ bước ra đánh lễ ngài ba lạy rồi về chỗ đứng yên.

Ngài bảo:

- Người được phần tủy của ta.

Rồi ngài gọi Tuệ Khả đến dặn dò:

- Đức Thế Tôn đem đại Pháp nhãn tạng phó chúc cho đại Ca-diếp, cứ thế lần lượt truyền đến ta. Nay ta đem nó truyền lại cho ông, ông phải khéo giữ gìn, đồng thời ta trao cho ông y ca-sa để làm pháp tín.

Tuệ Khả quỳ xuống nhận y, xin nghe lời ngài chỉ dạy.

Ngài nói:

- Trong thì truyền pháp ấn để khế hợp chân tâm, ngoài thì truyền pháp y để ấn định tông chỉ. Đời có nhiều người cạnh tranh, nghi ngờ, họ bảo rằng: “Ta là người Ấn, ông là người Hoa dựa vào đâu mà đắc pháp, lấy gì để minh chứng?” Nếu gặp nạn mới được đem y ra để làm vật chứng, thì sự giáo hóa mới không bị trở ngại. Ta diệt độ hơn hai trăm năm sau, y này phải dừng lại không truyền nữa vì lúc đó Phật pháp rất thịnh hành, những người ngâm khế hợp với chánh đạo đến cả ngàn vạn. Ông nên gắng xiển dương chớ khinh người chưa ngộ. Một niệm quay đầu thì sẽ nhận được những gì mình vốn có. Nghe ta nói kệ:

*Ta cốt đến cõi này
Truyền pháp độ kẻ mê
Một hoa sinh năm cánh
Nụ trái tự nhiên thành.*

Ngài lại bảo:

- Ta có bộ kinh Lăng-già gồm bốn quyển cũng trao ông luôn. Đây là cửa ngõ quan trọng bước vào đất tâm Như Lai. Từ khi ta lìa Nam Ân sang đây, thấy Xích huyện Thần châu có khí tượng Đại thừa, bèn vượt biển, lội qua sa mạc để tìm người truyền pháp. Do chưa đến thời, nên ta cứ giả vờ như ngây như điếc. Nay gặp được ông, nguyện ta đã mãn.

Nói xong ngài dẫn đồ chúng đến chùa Thiên Thánh ở Vũ Môn. Thái thú thành này là Dương Huyền Chi hỏi ngài:

- Thầy ở Thiên Trúc được kế thừa làm Tổ, vậy thế nào là Tổ?

Ngài đáp:

- Rõ được tâm tông của Phật, hạnh giải tương ứng đó gọi là Tổ.
 - Đệ tử từ lâu phụng thờ Tam bảo nhưng trí tuệ vẫn còn mê muội,
 xin thầy Từ bi khai thị tông chỉ.

Ngài dùng kệ đáp:

*Chớ nên thấy ác mà sinh ghét
 Chớ nên thấy thiện mà sinh ưa
 Chớ bỏ người trí mà gần kẻ ngu
 Chớ có bỏ mê mà chạy theo ngộ
 Đạt đạo lớn chừ quá lượng
 Rõ Phật tâm chừ siêu xuất
 Chẳng cùng phạm thánh ràng buộc
 Vượt hẳn lên trên gọi đó là Tổ.*

Huyền Chi nghe bài kệ xong liền đánh lễ thưa:

- Xin thầy Từ bi nhận nài trụ lâu ở đời.

Ngài nói:

- Ta hóa duyên đã xong, đã tìm được người truyền pháp, ta đi đây!

Ngày hôm đó, ngài ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Môn đồ tứ chúng an táng ngài tại chùa Định Lâm trên núi Hùng Nhĩ.

Năm sau, sứ giả nước Ngụy là tống Vân đi Tây Vực về, Vân gặp ngài ở núi Thông Lãnh, tay quảy chiếc dép một mình đi nhanh như bay. Vân hỏi:

- Nay thầy đi đâu?

Ngài đáp:

- Về Tây thiên.

Tống Vân về đến triều thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Môn đồ nghe vậy liền mở tháp xem, thì thấy quan tài trống rỗng, chỉ còn lại một chiếc dép.

Lương Vũ Đế nghe ngài hiển hóa như vậy bèn đích thân soạn văn bia và khắc ở Chung sơn.

Luận rằng: “Xưa Minh Giáo Tung Hòa thượng (Đông Sơn Hiểu Thông) soạn truyền pháp chánh tông ký, trong đó nói: Đạt-ma trụ thế đến vài trăm năm, xét về Thánh quả thì ngài đã chứng đến Ý sinh thân, không còn bị Phần đoạn sinh tử trôi buộc. Đến khi qua Trung Quốc hoằng hóa và thị tịch, an táng luôn bên này. Sau đó toàn thân ngài lại về Tây thiên. Như vậy thì thời gian trụ thế của ngài không thể đoán định theo trí của phàm tục được”.

Truyền Đăng Lục nói: “Ngày hai mươi mốt tháng chín, ngài đến

Quảng Châu, thứ sử dâng biểu tâu với vua. Vua sai sứ đem chiếu chỉ đến nghênh đón ngài. Ngày một tháng mười, ngài đến Kim Lăng. Thế nhưng từ Quảng Châu đến Kim Lăng xa đến hơn ba ngàn dặm, sứ đem chiếu đến rồi trở về thì ngài mới khởi hành, lẽ đâu chỉ trong mười ngày mà ngài đi được ba ngàn dặm chẳng.

Lại nữa, nói Ngụy Hiếu Minh Đế khâm phục đạo hạnh và tài năng của ngài. Ba lần hạ chiếu nghênh thỉnh nhưng ngài không rời khỏi Thiếu Lâm. Đến khi ngài thị tịch, Tống Vân đi sứ Tây Vực về gặp ngài ở Thông Lĩnh. Hiếu Trang Đế có chiếu chỉ mở tháp”.

Theo Nam sử thì Phổ Thông năm thứ tám tức Đại Thông năm đầu. Hiếu Minh đế đã mất vào tháng tư năm này. Tháng mười thì ngài đến đất Lương. Như vậy khi ngài chưa đến Ngụy thì Hiếu Minh Đế đã mất rồi. Con của Hiếu Minh Đế lên ngôi không bao lâu thì bị Nhĩ Chu Vinh giết, bèn lập Hiếu Trang Đế. Bấy giờ nước Ngụy đại loạn. Ba năm sau, Hiếu Trang Đế mất, đến năm thứ năm thì bắt đầu phân chia thành Tây Ngụy và Đông Ngụy. Như vậy lúc ngài ở tại chùa Thiếu Lâm chính là lúc đại loạn. Đến khi Tống Vân đi sứ về thì Hiếu Trang Đế đã mất khoảng năm, sáu năm gì đó, và nước Ngụy đã phân chia lâu rồi. Vậy thì lẽ đâu lại có chuyện Hiếu Trang Đế hạ chiếu chỉ mở tháp ư.

Phấn Đường sử nói: “Cuối đời Ngụy có vị Tăng là Đạt-ma đi thuyền đến Trung Quốc, sau đó thì thị tịch. Vào năm ấy, sứ Ngụy là Tống Vân lại gặp ngài ở Thông Lĩnh. Môn đồ bèn mở tháp ngài xem, thì chỉ thấy còn một chiếc dép mà thôi”. Đây là những chứng cứ đáng tin.

Nói Quang Thống Luật sư và Bồ-đề-lưu-chi nhiều lần hạ độc hãm hại ngài, do đó ngài chết. Than ôi! Làm gì có chuyện tà trời ấy! Quang Thống và Lưu-chi là bậc long tượng trong tông môn, lẽ đâu lại làm việc ấy ư? Đây là những lập luận sai lầm.

Thế nhưng, những việc mà từ xưa đến nay đạo ta noi theo vốn rõ như trong lòng bàn tay, như mặt trời, mặt trăng vận hành. Bởi vậy, Nhị tổ chỉ lay ba lay rồi đứng yên không nói một tiếng. Ngay trong tích tắc ấy, trần kiếp đã nằm trong một hơi thở, sát hải đã trụ trong đầu sợi lông. Ngay đó liền thừa đương trọn đời gánh vác. Thế nên mới nói: “Leo lên được đỉnh cao chót vót của đạo mầu không phải là việc của thế tục, vào được cửa ngõ này thì không còn tồn tại kiến giải” là thế. Lẽ đâu lại có chuyện động, tĩnh, đến, đi, nơi này, nơi kia, lúc này, lúc nọ để luận bàn ư?

Mậu Thân: Ngụy Trang Đế: Tên là Tử Du, cháu của Hiến Văn

Đế, con thứ ba của Bành Thành vương. Tháng hai năm này, Hiếu Minh Đế bị Hồ Thái hậu chuốc thuốc độc chết. Bấy giờ Nhĩ Chu Vinh lập ông làm vua. Năm thứ hai, đổi niên hiệu là Kiến Nghĩa, Vĩnh An. Sau lại muốn soán nghịch để cầu cử tích. Tháng chín ông vào triều, Đế biết bèn sai tay chân của Vinh giết chết. Em ông là Nhĩ Chu Triệu cử binh vây đất Lạc, lập Đông Hải Vương Hoa làm vua, đổi niên hiệu là Kiến Minh. Tháng mười hai thì giết Tử Du, ngôi vua bỏ không đến ba tháng. Triệu lại thấy Hoa bỏ bê triều chánh nên giết chết ông ta rồi lập cháu của Hiếu Văn Đế là Quảng Lăng Vương Cung làm vua, đó là Tiết Mẫn Đế.

Kỷ Dậu: Đổi niên hiệu là Trung Đại Thông. Tháng chín vua đến chùa Đồng thái xuất gia. Quân thần phải dùng một ức vạn tiền cúng chùa rồi chuộc vua về cung.

Canh Tuất, Tân Hợi: Tháng mười vua đến chùa Đồng thái, lên tòa giảng kinh Niết-bàn, tháng mười một giảng kinh Bát-nhã.

23. Thái Tử Chiêu Minh:

Tháng tư năm này, thái tử Chiêu Minh mất. Thái tử hụy là Thống, tự Duy-ma, sinh tại Bá phủ vào niên hiệu Thiên Giám năm đầu. Ba ngày sau thì khỏe mạnh như người lớn. Ai nấy đều cho ông là người hưởng được mệnh trời. Thuở nhỏ ông thông minh nổi tiếng. Ba tuổi đã học Hiếu kinh, Luận ngữ, năm tuổi đọc thuộc cả ngũ kinh, tám tuổi giảng Hiếu kinh tại điện Thọ quang, danh Nho trọng thần đều đến nghe giảng. Ông dùng từ ngữ hoa mỹ giảng giải, đả thông những đạo nghĩa uyên thâm làm cho ai nấy đều thán phục, cho ông là bậc Thánh trẻ. Năm mười hai tuổi, ông tham gia vào việc xét xử tội phạm, ông xét xử rất công bằng. Từ đó, ông nhiều lần được mời tham gia xét xử về kiện tụng, những người được ông cứu sống thật không sao kể hết. Tánh tình ông hiền từ, hiếu thuận, dung mạo khôi ngô tuấn tú. Hầu hết các loại sách sử chỉ cần đọc qua là ông nhớ vanh vách. Vua vốn là người chuyên tâm nghiên cứu nội điển rồi tự giảng thuyết. Thái tử cũng là người rất mến mộ Phật pháp. Tất cả kinh luận thời bấy giờ ông đều đọc qua hết. Ông dựng riêng điện Tuệ Nghĩa tại Đông cung làm nơi cất chứa kinh luận mời các vị danh Tăng soạn Pháp sự Nghi chú, cùng lập ra nghĩa của Tam đế... Đó là những tác phẩm rất lợi ích cho đời. Mẹ ông mất, ông thương khóc thảm thiết, chẳng màng ăn uống. Vua thấy vậy, sai tả hữu tuyên chỉ rằng: “Con tự hủy mình như vậy cũng đâu thay đổi được quy luật của trời đất. Nếu không vượt qua sự đau thương mất mát ấy thì

có khác gì kẻ bất hiếu. Ta còn sống đây mà con lại tự hủy mình như vậy ư! Rồi vua ép ông ăn uống”.

Thái tử tuân chỉ, bèn gắng gượng ăn cháo. Trước đây thân thể ông lực lưỡng, bây giờ chỉ còn mười vi, thân thể sa sút đến phân nửa.

Về sau, vua ủy thác việc triều chánh cho ông. Ông giải quyết việc quân việc nước đều rất tài tình, tiến cử người hiền tài trong thiên hạ, ban ân yêu mến họ hết lòng. Đông cung có cả thầy hơn hai mươi quyển sách, những người tài giỏi đều tụ tập ở đây. Kể từ đời Tấn đến nay, chưa có lúc nào văn chương rực rỡ như lúc này.

Có lần ông du thuyền lớn dạo chơi, làm thơ, hái sen, chẳng may thuyền chìm. Ông được vớt lên, tuy không chết nhưng bị thương nặng. Sợ vua lo lắng nên ông không cho báo vua. Không bao lâu ông mất, muôn dân khóc thương ông chẳng khác người thân của mình.

24. Lưu Hiệp xuất gia:

Danh sĩ Lưu Hiệp là người rất được Thái tử trọng vọng. Ông là người tuyển soạn bộ Văn Tâm Điều Long gồm năm mươi thiên. Gia cảnh nghèo túng nên ông không lấy vợ. Ông thọ học với Sa-môn Tăng Dụ, bác thông kinh luận. Tất cả những bộ sách lớn nhỏ đều do ông viết lời tựa. Tạng kinh ở chùa Định Lâm là do ông cân nhắc, tuyển chọn. Trung thư lệnh Thẩm Ước rất khâm phục văn tài của ông, thường rất thích văn chương của ông. Chùa tháp trong kinh thành đều một tay ông soạn bia ký. Ông làm quan giữ chức Thông sự, Xá nhân rồi dâng biểu xin xuất gia. Ông cạo bỏ râu tóc, thệ nguyện xuất gia, vua rất hài lòng, ban cho ông pháp danh là Tuệ Địa.

An Định Vương: Tên là Lãng, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Trung Hưng. Tháng mười Cao Hoan khởi binh ở kinh đô thảo phạt họ Nhĩ Chu. Hoan theo huyênh tôn của Thái Vũ là Lãng đến tận Mang sơn. Cuối cùng bình định được Nhĩ Chu Triệu. Do Lãng bỏ bê triều chánh, Cung lại là người tài giỏi khó kiềm chế, nên Hoan cầm tù Lãng, giả chiếu của An Định Vương nói rằng: “Cháu phải lên ngôi.”

Tiết Giản Đế: Tên là Cung, lên ngôi đổi niên hiệu là Phổ Thái. Năm này An Định Vương và Tiết Giản Đế đều bị Cao Hoan giết.

Nhà Ngụy gồm mười hai đời vua, trị vì tổng cộng một trăm bốn mươi chín năm. Đến niên hiệu Trung Đại Thông nhà Lương thì phân thành Đông Ngụy và Tây Ngụy.

Nhâm Tý: Tây Ngụy Hiếu Vũ: Tên là Tu, tự là Hiếu Tắc, là cháu của Hiếu Văn Đế, con của Quảng Bình Vũ Mục Vương Hoài. Cao Hoan

phế Tiết Giản Đế rồi lập ông. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Hy. Hoan vốn là kẻ nghịch thần, ông muốn trừ khử Hoan. Nhưng vì Hoan biết cử binh làm nội ứng nên vua phải chạy đến Trường An nương nhờ quan Tây đại đô đốc Văn Thái. Ông ở ngôi được ba năm, thọ hai mươi lăm tuổi.

25. *Song Lâm Phó Đại sĩ*: (Quý Sứ)

Đại Thông năm thứ năm. Nghĩa Ô, Song Lâm Đại sĩ. Họ Phó tên là Hấp, pháp hiệu là Thiện Tuệ. Năm mười sáu tuổi ông cưới con gái họ Lưu là Diệu Quang làm vợ sinh được hai người con là Phổ Kiến và Phổ Nguyên. Bấy giờ có Sa-môn Tây Vực là Tung Đầu-đà gặp Đại sĩ và nói:

- Ta với ông đã cùng phát nguyện từ thời Phật Tỳ-bà-thi, nay y bát để tại Đầu-suất Thiên cung vẫn còn, thế ngày nào ông trở về?

Nói xong, Tung Đầu-đà bèn dẫn ông đến bến sông để soi lại chân dung mình. Thấy bóng mình dưới nước có bảo cái tròn sáng. Đại sĩ cười nói:

- Trong bể lò rèn toàn đúc tiền, lương y đã đủ người bệnh rồi, nôn nóng độ sinh thì có gì vui đâu?

Ngài tiếp tục ở lại không bao lâu thường thấy Thích-ca Kim Túc và Định Quang Như Lai phóng hào quang chiếu khắp thân mình. Đại sĩ vui vẻ nói:

- Ta đã được Thủ-lãng-nghiêm Tam-muội rồi.

Ngài liền bố thí ruộng vườn nhà cửa và bán luôn vợ con được năm mươi ngàn tiền. Ngài dùng số tiền này mở hội bố thí lớn, rồi lên đỉnh Tung sơn dựng chùa giữa hai cây đại thọ và ở đó. Thế nên chùa này có tên là Song Lâm. Ban ngày ngài làm tụng, ban đêm thì hành đạo. Ngài làm bài kệ:

*Tay không vác cày bừa
Đi bộ cỡi trâu nước
Người qua lại trên cầu
Cầu trôi nước chẳng trôi.*

Một hôm, ngài đang kinh hành quanh những cây đại thọ trên núi, cảm được bảy vị Phật quá khứ đi theo. Phật Thích-ca đi đầu, ngài Duy-ma đi cuối. Chỉ có một mình Đức Thế Tôn vừa đi vừa ngoái lại nói chuyện với ngài. Từ đó dấu tích phi thường của ngài càng hiện rõ.

Ngày rằm tháng giêng năm đó, ngài sai đệ tử là Phó Vãng đem thư vào triều. Thư viết: Song Lâm Thọ Hạ Đương Lai Giải Thoát Thiện

Tuệ Đại sĩ xin thưa với quốc vương Cứu Thế Bồ-tát rằng: Nay muốn tu hành cần phải thực hành tất cả việc thiện từ thượng, trung, hạ. Những việc thượng thiện phải lấy tâm rộng rang làm gốc, lấy không chấp trước làm tông, lấy vô tướng làm nhân, lấy Niết-bàn làm quả. Những việc trung thiện phải lấy việc tu thân làm gốc, lấy việc trị nước làm tông, thiên thượng nhân gian làm quả báo an lạc. Những việc hạ thiện phải nuôi dưỡng chúng sinh, bỏ tham tàn, bỏ sát sinh, phải làm cho trăm họ đều tu tập lục trai (ăn chay tháng sáu ngày).

Nay tôi nghe Hoàng đế rất mến mộ Phật pháp, muốn diễn giảng kinh luận, nhưng chưa xiển dương được giáo nghĩa nhiệm mầu thâm sâu, nên tôi sai đệ tử là Phó Vãng đến thưa chuyện”.

Vãng giao thư cho thái học nhạc lệnh Hà Xương. Xương nói:

- Đến như Pháp sư Tuệ Ước còn chưa dám khai thị cho vua. Hấp là dân thường, lại không phải là trưởng lão. Sao chẳng biết thân phận của mình đến thế. Như vậy mà dám dâng cho vua ư?

Vãng bèn đốt tay ngồi giữa đường chờ. Xương thấy vậy bèn đến chùa Đồng thái hỏi ý kiến Pháp sư Hạo. Hạo khuyên nên trình vua gấp.

Ngày mười một tháng hai, Hạo dâng thư cho vua. Vua mở ra xem liền hạ chiếu mời ngài đến. Đại sĩ đến, vua hỏi:

- Xưa nay thầy thờ ai?

- Xưa chẳng có xưa, nay chẳng có nay, thờ thầy cũng vậy.

Thái tử Chiêu Minh hỏi ngài:

- Sao thầy không luận về nghĩa?

- Như như chánh lý mà Bồ-tát diễn thuyết vốn chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng rộng, chẳng hẹp, chẳng có biên tế, chẳng không biên tế thì còn biết nói gì nữa.

Vua hỏi:

- Thế nào là chân đế?

Ngài đáp:

- Dứt nhưng không diệt.

- Dứt mà không diệt tất có sắc tướng. Có sắc tướng cho nên không lành lợi. Như vậy thì cư sĩ vẫn chưa thoát khỏi thế tục!

- Gặp của cải chớ nhận cầm, gặp nạn chớ tránh cầm.

Vua hỏi:

- Cư sĩ biết lễ nghĩa chăng?

Ngài đáp:

- Tất cả các pháp chẳng có chẳng không. Tất cả sắc tướng trong

đại thiên thế giới thấy đều rỗng rang. Trăm sông đổ dồn nhưng không ra khỏi biển. Vô lượng chư pháp đều không ngoài chân như. Tại sao trong ba cõi, chín mươi sáu thứ đạo mà chỉ một mình Như Lai là người siêu xuất nhất? Đó là vì ngài xem tất cả chúng sinh như con đò. Thiên hạ không có đạo thì không yên, không có lễ thì không vui.

Vua im lặng. Đại sĩ xin cáo từ. Hôm khác, vua giảng kinh Kim Cang tại điện Thọ quang. Thánh sư nói:

- Đại sĩ có thể giảng được.

Vua liền mời ngài đến. Trước mặt vua, ngài vừa gõ nhịp vừa giảng kinh, xướng thành bốn mươi chín bài tụng. Giảng xong, ngài trở về Song lâm.

Tháng tư, đời Trần niên hiệu Thái Kiến năm đầu, ngài sắp thị tịch, bèn bảo đồ chúng:

- Thân này thật đáng chán ghét. Nó là vật để chứa nhóm mọi sự thống khổ. Các ông phải giữ gìn ba nghiệp, tinh tấn hành trì lục độ. Nếu đọa địa ngục thì rất khó giải thoát, nên phải thường sám hối.

Ngài nói tiếp:

- Sau khi ta mất, các ông không được chuyển dời giường chõng. Bảy ngày sau sẽ có Pháp Mãn Thượng nhân đem tượng và chuông đến đặt ở đây.

Đệ tử hỏi:

- Sau khi ngài mất, chôn cất thế nào?

Ngài đáp:

- Dem lên đỉnh núi mà đốt.

- Nếu không được thì phải làm gì?

- Chờ liệm vào áo quan, hãy chất gạch ngói làm đàn rồi đặt thi thể lên trên ấy, lấy lụa mỏng màu đỏ che chắn xung quanh và phủ ở trên, rồi dựng tháp trên ấy. Như vậy mới vững được.

Đệ tử hỏi:

- Lúc chư Phật diệt độ đều diễn nói công đức. Nay thầy sắp đi, chúng con được nghe gì không?

Ngài đáp:

- Ta từ cõi trời thứ tư sinh xuống đây để hóa độ các ông, trợ giúp cho Phật Thích-ca. Thế nên đại phẩm Bát-nhã nói: “Có Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất đến, người ấy các căn đều lanh lợi, tương ứng với Bát-nhã, đó chính là thân ta.

Nói xong, ngài ngồi kiết già an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi. Bảy ngày sau, quả nhiên Pháp Mãn Thượng nhân đem tượng Phật Di-

lặc được thêu bằng vải lụa và một cái chuông có chín núm đến đặt ngay nơi tháp. Lát sau chẳng thấy đâu nữa. Vật dụng của ngài hơn mười thứ cũng được chôn theo.

Đời Tấn, niên hiệu Thiên Phước, Trung Tiễn Vương mở tháp của ngài lấy được mười sáu miếng linh cốt. Linh cốt đều màu vàng tía, đồng thời lấy luôn vật dụng. Vua đem linh cốt về tạc tượng ngài an trí tại chùa Long Hoa, ở phía Nam Phủ thành. Đại sĩ từng trừ tác bài minh nói về Tâm vương. Tác phẩm gồm một thiên, trong ấy nói:

*Quán xét tâm vương, huyền diệu khó lường
 Không tên không tướng thân lực vô cùng
 Hay diệt ngàn tai thành tựu muôn đức
 Thể tánh tuy không hay bày phép tắc
 Xem chẳng thấy hình gọi thì có tiếng
 Đứng đầu đại pháp, tâm dạy truyền kinh
 Vị mặn trong nước, keo xanh trong màu
 Nhất định có thật không thấy được hình
 Tâm vương cũng vậy, cư ngụ trong thân
 Ra vào nơi cửa, ứng vật theo hình
 Tự tại chẳng ngại, muôn việc đều thành
 Rõ gốc biết tâm, biết tâm thấy Phật
 Tâm này là Phật, Phật này là tâm
 Niệm Phật niệm tâm, tâm Phật niệm Phật
 Muốn mau thành tựu, răn tâm theo Luật
 Luật tịnh tâm tịnh, tâm tức là Phật
 Ngoài tâm vương này không còn Phật nữa
 Muốn cầu thành Phật chớ nhiễm một vật
 Tâm tánh tuy không, tham sân có thật
 Vào pháp môn này thành Phật tức khắc
 Đến bờ kia rồi được Ba-la-mật
 Hành giả mộ đạo tự xét tâm mình
 Biết Phật ở trong không tìm bên ngoài
 Ngay tâm là Phật ngay Phật là tâm
 Tâm sáng thấy Phật thấu tỏ được tâm
 Lìa tâm không Phật lìa Phật không tâm
 Chỉ Phật lường được chẳng nơi gánh vác
 Chấp không trệ tịch trầm luân trong đó
 Chư Phật Bồ-tát an tâm cách khác
 Đại sĩ rõ tâm ngộ được huyền âm*

*Tánh thân thâm diệu diệu dụng vô cùng
Do đó người trí mặc tình buông tâm
Chớ nói tâm vương rộng không thể tánh
Hay khiến sắc thân gây tà tạo chánh
Chẳng có chẳng không ẩn hiện chẳng định
Tâm tánh tuy không tạo phàm lập thánh
Thế nên cùng khuyên khéo tự thận trọng
Sát na tạo tác trở lại trầm luân
Tâm trí thanh tịnh giống như vàng ròng
Bát-nhã Pháp Tạng đều trong thân tâm
Pháp bảo vô vi chẳng sâu chẳng cạn
Chư Phật Bồ-tát thấu tỏ tâm này
Có duyên ắt gặp chẳng có ba đời.*

Giáp Dần: Đông Ngụy Hiếu Tĩnh, tên là Thiên Kiến, cháu của Hiếu Văn Đế, con của Thanh Hà Tuyên Vương Đản. Cao Hoan lập ông làm vua và dựng đô ở đất Lạc, sau dời qua đất Nghiệp. Năm mười một tuổi ông lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Bình, trị vì mười bảy năm thọ hai mươi tám tuổi.

26. Pháp sư Tuệ Ước: (Ất Mão)

Năm này, vua đổi niên hiệu là Đại đồng. Pháp sư Tuệ Ước dặn dò môn đồ xong thì chấp tay thị tịch. Hôm ấy, vua không thiết triều ba ngày. Vua mặc đồ tang khóc thương thảm thiết và an táng ngài bên trái tháp của Chí Công. Hồi ấy có đến bốn mươi tám ngàn người theo ngài thọ giới, họ đều mặc đồ tang, than khóc và tiễn kim quan đến tháp. Có lần ngài cưỡi con trâu màu xanh, con trâu rơi lệ rống rất bi thảm, rồi có hai con hạc lượn quanh tháp ngài rơi lệ kêu rất buồn bã. Nhiều thán như vậy, hạc mới bay đi.

Bính Thìn: Dựng chùa Hoàng Cơ. Đào Hoàng Cảnh được ban hiệu là Sơn Trung Tế tướng.

27. Duyên khởi của Cao Vương Kinh: (Đinh Tỵ)

Tôn Kính Đức người ở Định Châu thuộc Đông Ngụy, vốn là người phụng thờ Quán Âm rất kiên thành. Ông bị giặc bắt sắp chém. Lúc ấy ông chí thành niệm Quán Thế Âm, đao chém ba lần mà chẳng bị thương, lại thay đao đến ba lần nhưng đao đều bị mẻ. Quan lại báo với Cao Hoan, Hoan liền dâng biểu xin vua miễn tội chết cho ông.

Kính Đức trở về nhà, nhìn thấy pho tượng mình đang thờ, trên cổ

có ba vết xước. Ngày nay, người ta cho rằng duyên khởi của bộ kinh Cao Vương phát xuất từ việc này.

Mậu Ngọ: Lý Dận được xá-lợi của Phật liền đại xá thiên hạ. Đông Ngụy đổi niên hiệu là Nguyên Tượng. Đông Ngụy, Nguyên Tượng năm đầu, có người đi xứ Tây Vực, lúc trở về đến Thông Lĩnh gặp Đạt-ma một mình quảy một chiếc dép đang trở về Tây Thiên. Môn đồ bèn mở tháp của ngài để lễ lạy thì chỉ còn thấy một chiếc dép.

Kỷ Mùi: Đông Ngụy đổi niên hiệu là Hưng Hòa.

28. Những người đầu tiên dịch kệ của Phật: (Canh Thân)

Theo bài Minh của Thái thú Dương Huyền ở Vũ quan ghi:

“Năm thứ hai, niên hiệu Hưng Hòa đời Đông Ngụy Tĩnh Đế, tức Tây Ngụy Văn Đế niên hiệu Đại Thống thứ sáu, tức Lương Vũ Đế niên hiệu Đại Đồng thứ sáu, Cao Tăng Vân Khải qua Tây Vực cầu pháp. Ngài đến nước Quy Tư gặp Sa-môn Thiên Trúc và Tam tạng Na-liên-da-xá muốn sang Đông độ truyền pháp. Vân Khải nói: Phật pháp bên ấy chưa hưng thịnh. Nghe vậy Da-xá cùng ngài trú tại Quy Tư. Hai người đem Phạm bản dịch thành Hán ngữ. Sau, Vân Khải đi Ấn Độ, Da-xá sang đất Ngụy, gặp phải lúc loạn lạc, nên Da-xá vào Cao Tề và được Tuyên Đế đón tiếp ân cần, mời về ở tại chùa Thạch quật. Tại đây ngài tham học thiền quán nên không còn thời gian để dịch kinh khác, nên ngài đem những bài kệ của Tổ mà trước đây ngài cùng Vân Khải dịch tại Quy Tư truyền lại cho Cư sĩ Vân Thiên Ý. Ý chuyên tâm học hỏi và thâm ngộ được huyền chỉ. Ý bèn đem những bản này so sánh đối chiếu với Phó Pháp Tạng mà trước đây Sa-môn Đàm Diệu cùng Thiên Trúc Tam tạng Kiết-ca-da đã dịch thì thấy bản kia không đúng theo thứ tự và không có sấm kệ. Ý bèn sao chép lại bản này rồi dâng cho vua Ngụy để minh xác lại những điểm nhầm lẫn. Như vậy, Phó Pháp Tạng được truyền từ niên hiệu Chân Quân đời Ngụy Chân Đế.

Thời bấy giờ, Thôi Hạo, Khấu Khiêm Chi dùng tà thuyết hủy diệt Phật pháp. Mãi đến đời Văn Thành đế niên hiệu Hòa Bình mới bỏ khuyết xong những thiếu sót đó.

Lương Giản Văn đế nghe nước Ngụy có bản này, bèn sai Lưu Huyền Vân đến sao chép, đem về Kiến Khương lưu hành khắp vùng Giang biểu. Đời Đường, niên hiệu Trinh Nguyên, Sa-môn Tuệ Cự ở Kim Lăng đem những bài kệ của Tổ này đến Tào Khê. Tuệ Cự cùng Tây thiên Tam tạng Thắng Trì hiệu đính lại, đồng thời đem những bài kệ truyền pháp của chư Tổ từ đời Đường lại đây gom tập thành bộ Bảo

Lâm truyện.

Trong niên hiệu Quang Hóa, Thiên sư Hoa Nhạc Huyền Vĩ gom gập những vị tông sư xuất thế cũng lấy những bài kệ này là tư liệu và ngài viết thành bộ Thánh Trụ tập. Khai Bình Nam Nhạc Tam Sinh Tạng Duy Kính Đầu-đà viết về những bậc Tông tượng xuất thế kể từ niên hiệu Quang Hóa trở về sau, cũng lấy những bài kệ này làm tư liệu và ngài gom tập thành bộ Tục Bảo Lâm truyện.

Thời Tống Cảnh Đức, Tăng đất Ngô là Đạo Nguyên soạn truyện Đăng Lục và dâng lên Chân Tông. Vua ban sắc lệnh cho Hán lâm học sĩ Dương Úc, công bộ viên ngoại Lý Chuẩn, Thái thường Thừa Vương Thự cùng hiệu đính rồi tâu vua. Vua hạ chiếu viết bài tựa rồi biên nhập Đại Tạng lưu hành.

Trong niên hiệu Thiên Thánh, phò mã Đô úy Lý Tuân Úc tham vấn Thiên sư Thạch Môn Thông, phát minh được nhân duyên, bèn soạn tiếp những vị Thiên Tăng nổi tiếng vào đây và lấy tên là Quang Đăng Lục, do Nhân Tông viết lời tựa và có chiếu chỉ cho nhập tạng lưu hành.

Kiến Trung Tĩnh quốc, nguyên niên Sa-môn Duy Bạch lấy những bài kệ tổ này làm tiêu bản viết thành Tục Đăng Lục và dâng vua xem...

Những tông phái khác không rõ được căn nguyên, họ đều cho rằng kệ của bảy vị Phật quá khứ không dịch. Những người học ít biết cạn cũng đều nhầm lẫn như vậy, thật đáng cười.

29. Ấn sĩ Nguyễn Hiếu Tự:

Ấn sĩ Nguyễn Hiếu Tự người ở Trần Lưu, gia thế đều làm quan. Cha ông là Hiếu Ngạn làm đến chức đại Uy Tòng Sự Trung Lang. Năm mười ba tuổi Hiếu Tự học thông diệu chỉ của ngũ kinh. Năm mười sáu tuổi cha ông mất. Chôn cất cha xong, ông vào Chung sơn nghe giảng kinh luận. Sau đó ít lâu nghe tin mẹ bệnh, ông liền bỏ đạo tràng hối hả về thăm. Thuốc trị bệnh cho mẹ cần phải có nhân sâm sống. Ông liền đến Chung sơn tìm kiếm nhưng không được có. Khi ấy bỗng thấy một con nai phía trước, ông rất lấy làm lạ bèn đến thì quả nhiên nơi ấy có nhân sâm. Tự liền hái nhân sâm đem về chữa bệnh. Bệnh mẹ ông hết ngay.

Thượng thư lệnh nước Tề là Vương Ấn đến thăm, ông vốn không ưa người này nên trò chuyện rồi đi trốn. Đến khi Ấn bị tru di, nhưng do ông không phải đồng đảng nên được miễn tội.

Có lần ông lấy khu rừng nai này làm tinh xá. Ông ở giữa rừng, ao

hồ, muốn tuyệt giao hết bạn bè, thành thử ít ai gặp được ông. Ngự sử trung thừa Nhiệm Phưởng muốn đến tham học nhưng không dám vào. Phưởng bèn chỉ rừng nai và nói với anh mình rằng: Nhà ấy rất gần, nhưng ông ấy rất xa. Ông ấy tuyệt giao với quyền quý, chẳng muốn ai mời thỉnh, chỉ kết giao với Bùi Tử Dã mà thôi.

Cuối năm Thiên Giám, vua nhiều lần hạ chiếu mời ông vào triều nhưng ông không đến. Thiên tử cho rằng ông muốn lập hư danh cốt để được tiếng khen. Nếu không phải như vậy thì tại sao không thỏa được chí lớn của mình?

Nam Bình Nguyên Tương hỏi Tự:

- Xưa thân phụ của anh chẳng giao du nhiều, em tôi chỉ ôm ấp chí lớn của mình là tại sao vậy?

Tự đáp:

- Như bây giờ ông hợp trọn không kiếm chế được, thì đâu thể sánh với ngựa lục, ngựa ký được.

Phan Dương Trung Liệt vương là anh rể của ông, thường cung cấp cho ông của ngon vật lạ, nhưng ông chẳng nhận thứ gì cả. Ông cùng tuổi với Lưu Trứ Tác. Khi Lưu chết, ông nói:

- Có lẽ ta sống không bao lâu nữa.

Ông lo liệu hậu sự cho Lưu xong, mấy ngày sau thì mất, thọ năm mươi tám tuổi.

Hiếu Tự là người tinh thông sách sử, không loại nào mà ông không rành, lại có tài nhớ dai nên được học giả rất ngưỡng mộ. Sau khi mất, môn nhân truy tặng ông thụy là Văn Trinh Xử Sĩ.

Lưu Hâm đời Hán viết Thất Lục, vương Kiệt đời Tề viết Thất chí. Hiếu Tự viết Thất Lục vào niên hiệu Phổ Thông thứ tư. Năm thiên trước gọi là Nội thiên. Thiên thứ sáu là Phật pháp lục, thiên thứ bảy là Tiên đạo lục. Hai thiên này gọi là Ngoại thiên. Thất Lục của Lưu Hâm thì cho đạo gia là Chư Tử, cho thần tiên là nghề nghiệp. Thất Chí của Vương Kiệt thì trước nói đến Đạo sau mới nói đến Phật. Thất Lục của Hiếu Tự thì trước nói đến Phật, sau mới nói đến Đạo. Đó là do chí hướng của mỗi người mỗi khác, và cũng do vì giáo nghĩa có cạn có sâu.

30. Số lượng thư tịch xưa nay:

Thất Lục, nội điển, ngoại thư gồm bốn mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi sáu quyển, di thư bí điển trong thiên hạ đều có cả trong đây. Kinh, Luật, Luận của Phật giáo gồm năm bộ tổng cộng là năm ngàn bốn trăm quyển. Đến đời Tùy Văn Đế, niên hiệu Nhân Thọ thì số lượng

thư tịch trong điện Gia Tắc gồm ba trăm bảy mươi ngàn quyển. Đến đời Đường, niên hiệu Khai Nguyên thì thư tịch được chia thành bốn bộ theo thứ tự Giáp, Ất, Bính, Đinh, xếp tất cả kinh sử thành tứ khối, cộng với thư tịch của học giả đời Đường là tám mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi bốn quyển. Đến nay, thư, nghệ, văn, chí của đời Đường, bốn bộ này tổng cộng năm mươi hai ngàn một trăm quyển được sao chép. Còn hai mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi quyển không được sao chép, tổng cộng là bảy mươi chín ngàn tám trăm ba mươi quyển. Trong đó những thư tịch của hai mươi lăm tác giả viết về Tăng tục của Phật giáo chỉ có ba trăm chín mươi lăm quyển mà thôi. Đó là thư tịch từ xưa tới nay.

- Ất Hợi: Đông Ngụy đổi niên hiệu là Vũ Định.

Trong năm này, Sa-môn Thượng Viên đuổi tà ma trong cung Vũ Lăng vương. Ngài vừa niệm “Nam mô Phật Đà” thì yêu quỷ trong cung đều chạy hết, từ đó về sau trong cung không còn tà ma.

Cũng trong năm này, Hoàng môn thị lang Cố Dã viết xong thiên Vương Ngọc.

* Giáp Tý năm mười bốn: Từ niên hiệu Thiên Giám đến nay, vua đã trường trai thờ Phật, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, nhưng chỉ ăn canh rau và cơm gạo thường mà thôi.

Bính Dần: Đổi niên hiệu là Trung Đại Đồng.

Đinh Mão: Đổi niên hiệu là Thái Thanh.

31. Nghịch tặc Hầu Cảnh làm phản: (Kỷ Ty)

Tháng tư Thái Thanh thứ ba, nghịch tặc Hầu Cảnh vây hãm Đài thành. Cảnh cho năm trăm giáp sĩ bảo vệ mình rồi xách kiếm lên điện bái vua, nhưng vua vẫn thản nhiên như không. Vua sai tả hữu dẫn Cảnh vào ngôi hàng ghế Tam công, rồi hỏi Cảnh:

- Khanh ở ngoài biên ải lâu ngày chẳng phải là lao nhọc lắm rồi sao?

Cảnh hoảng sợ không đáp được, trở ra nói với tả hữu:

- Mỗi khi ta võ yên xông trận, xáp mình với mũi tên hòn đạn nhưng chẳng hề run sợ. Nay thấy Tiêu Công bỗng nhiên khiếp sợ, đó chẳng phải là uy trời khó phạm đó ư. Ta quyết từ nay trở đi không gặp ông ấy nữa.

Đến khi Cảnh tự xưng Đại thừa tướng, chẳng chịu phục tùng lệnh. Vua uất ức lâm bệnh, nhưng không bỏ trai giới, ngày đêm luôn niệm Phật và chỉ có hoàng tử bên cạnh hầu hạ vua.

Ngày Bính Thìn, tháng năm, vua bệnh nặng không ăn uống được.

Lâu ngày miệng đắng, chưa kịp rót mật thì vua đưa tay nói “sen... sen...” Rồi mất ở điện Tịnh Cư thọ tám mươi sáu tuổi.

Vua có khuôn mặt vuông vức, trán rộng, lưỡi có vân hình chữ bát, cổ có hào quang, thân sáng rực, ban ngày không thấy bóng, tay phải có vân hình chữ Vũ. Thuở nhỏ từng đi trên không, thấy chỗ vua ở thường có hơi nước xông lên như mây. Người nào gặp vua cũng phải cung kính, khiếp sợ. Trước và sau khi lên ngôi, có đến hơn sáu mươi điềm lành xuất hiện. Đến khi lên ngôi thường có sáu con rồng, mỗi con quấn lấy một cây cột trong điện Thái Cực. Những việc thần kỳ, điềm lạ của các vị vua từ xưa đến nay được sách sử ghi lại không ai có được như ngài.

Thuở nhỏ, ngài rất ham học, thông suốt lục nghệ, rành hơn người khác. Đến như những việc âm dương, bói toán, đoán kiết hung, chữ thảo, chữ lệ, viết lách, cưỡi ngựa bắn cung thấy đều tinh thông. Từ khi lên ngôi, dù bận trăm công ngàn việc nhưng tay chưa từng rời sách. Ngài đốt đèn đọc sách thường tới tận đêm khuya. Soạn bộ thông sử gồm sáu trăm quyển, bộ Kim hải gồm ba mươi quyển. Những tác phẩm khác như ngũ kinh, nghĩa, chú, giảng, số cả thấy hơn hai trăm quyển. Các loại văn như tán, tự, chiếu, cáo, minh, lụy, chân, tụng, tiên, tấu... gồm một trăm hai mươi quyển.

Về già, ngài phụng Phật, ngày chỉ ăn một bữa. Thức ăn không có mỡ dầu và đồ tươi mà chỉ có canh đậu, cơm gạo thường. Những hôm gặp việc khó lo giải quyết không kịp ăn cơm, nếu quá ngộ thì ngài chỉ súc miệng rồi tĩnh tọa. Ngài soạn nghĩa ký của các kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm, Tịnh Danh, Tam Tuệ... Có đến vài trăm quyển. Khi rảnh việc triều chánh, ngài liền giảng thuyết kinh luận tại điện Trùng Vân, chùa Đồng Thái. Những bậc danh Tăng, Thạc học, tứ chúng nghe giảng thường hơn vạn người. Ngài thường mặc áo vải, nằm giường gỗ, ba năm đội một cái mũ, hai năm đắp một cái mền.

Lúc ngoài năm mươi tuổi, ngài dứt việc chần gối, không uống rượu, không bày trò múa hát. Nếu không phải là tế tự tông miếu, tổ chức những buổi yến tiệc linh đình hay làm Pháp sự thì không cử nhạc. Ngài hết lòng lo việc nước. Vào mùa đông, sau canh tư thường dậy sai người đốt đèn giải quyết công việc. Trời rét căm căm, tay cầm bút run rẩy, nhưng tấm lòng nhân ái không vì thế mà dừng lại. Trong dòng tộc những người thân cận ngài không may phạm tội, phần nhiều ngài đều tha cho. Nếu gặp phải những người bị cực hình, mỗi lần quyết định tội chết trong lòng thường bi ai, khóc thương thống thiết rồi sau mới chuẩn tấu. Tính tình ngài hòa đồng ngay thẳng, thường ở trong điện nhỏ, tự

mình vá mũ, vá áo. Những tháng nóng nhưng chưa từng cởi trần hay vén áo. Dù gặp trẻ con, quan nhỏ nhưng ngài đối xử như một thượng khách. Ngài thụ là Vũ Hoàng Đế, miếu thờ hiệu là Cao Tổ.

32. Sử quan Ngụy Trưng:

Sử quan Ngụy Trưng nói:

- Cao tổ vốn bẩm thọ tư chất thông minh trời phú, là người giỏi về văn hóa, nghệ thuật. Ông là người có sở học uyên bác, văn võ song toàn đa tài đa nghệ. Với những kẻ không theo phép nước gây thảm họa hôn mê bạo ngược coi thường mệnh trời, ông vì nghĩa hợp binh thảo phạt rửa oan. Ông nói: Vua Trụ đáng đánh, chư hầu chẳng hện nhưng đều hội hợp. Như rồng vẫy ở Phàn Hán, nhưng sấm đánh ở Trương trình, ông diệt kẻ bạo tàn như bẻ cây khô, quý người tài như được di vật. Oai phong kỳ tài của ông thật không sao kể hết.

Về sau ông lên ngôi, thật xứng với con cháu Hoàng thiên, ông bố đức thi ân, khiến thiên hạ đều an vui, mở vương đạo rộng mệnh mông, thay phong tục thêm rực rỡ. Ông sửa đổi lại văn học, thay đổi lại lễ nghi, cổ vũ cái đẹp, xiển dương nghiệp Nho, dựng lập nhân nghĩa, xô ngã đạo tà danh vang khắp nơi, ân bố khắp chốn, hơn mười năm chinh chiến nơi chiến trường. Bao la thay! Mệnh mông thay!

Từ đời Ngụy, Tấn đến nay chưa lúc nào huy hoàng như vậy. Nhưng ông không dừng lại ngay đây mà thường tự răn mình, tu tâm sửa tánh để trở thành con người chân chất. Những kẻ ham danh háms việc thường chuộng sự phù hoa nên thường khen chê Khổng, Mặc đả kích Thích, Lão. Có lúc ông cả đêm chẳng ngủ, trọn ngày chẳng ăn, chẳng phải ông hoảng đạo lợi người mà chỉ xem trọng người trí để làm hoảng sợ kẻ ngu. Vả lại những kẻ chưa được vinh hoa thường muốn trèo cao lên hư vị, lớn tiếng luận bàn, cho mình thoát tục, nhưng rốt cuộc vẫn là kẻ đề cao, ham muốn lầu vàng.

Điều mà con người ta ham muốn là trai gái, ăn uống. Đến như những kẻ giàu sang nơi điện đường, chưa hề có ý muốn tu thân. Cao tổ là người đoạn trừ mọi ham muốn, mọi sự quyến luyến địa vị. Ông làm được điều khó làm nhưng lại ngưng trệ những điều dễ làm. Thế nên nói: “Thần có điều không suốt, trí có điều không thông là vậy”.

Luận rằng: Trịnh Công nước Ngụy bàn về Lương Vũ Đế, có thể nói ông là người nhân đức đứng đầu thiên hạ. Rồi sử quan Tiêu Vũ đời Đường cũng ca ngợi ông rằng: “Họ Tiêu nhà Lương dấy nghiệp ở Giang tả, thật có công lớn với muôn dân. Ông ấy trọn không quá ác nhưng lại

bị ảnh hưởng bởi cái nhỏ nhặt mà thôi.

Thế nên, những đấng quân vương khác và hậu duệ của họ hãy thử suy nghiệm lời của Trịnh công thì sẽ càng thấy rõ. Nhưng Hàn Thối Chi từng nói: Lương Vũ Đế chết đói tại Đài thành. Ý cho rằng ông đã đoạn tuyệt mọi sự ham muốn, không ăn quá ngọ, mãi đến lúc lâm chung chẳng bỏ trai giới. Với cái nhìn của những kẻ hưởng thụ dục lạc thế tục thì xem ông gần giống như chết đói. Như Khổng Tử nói: Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thử Dương, nhưng thâm ý lại đề cao tính cách của hai ông ấy. Như vậy lẽ đâu bảo rằng không được ăn thì chết đói ư.”

Hễ nói đến được, mất, thành, bại cũng giống như những gì mà Trịnh Công nước Ngụy nói. Đó là những lời lẽ sâu mâu để trách cứ những kẻ hiền tài trong Xuân Thu, lẽ đâu không được xem là cái đạo chung cho muôn đời sao.

33. Giản Văn Đế: (Canh Ngọ)

Giản Văn Đế tên là Cương tự là Thế Tán, thủa nhỏ có tự là Lục Thông. Ông là con thứ ba của Vũ Đế. Hầu Cảnh đánh phá Đài thành rồi lập ông làm vua. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Đại An. Đại An năm thứ hai lại bị Cảnh phế truất.

Đông Ngụy trị vì mười sáu năm, cuối cùng bị Cao Dương soán ngôi.

*Bắc Tề: Họ Cao, gồm năm đời vua, đóng đô ở đất Nghiệp. Lôi Thị nói: “Thần Vũ, Văn Tương, Văn Tuyên, Hiếu Chiêu, Vũ Thành và Hậu Chủ, Bắc Tề gồm năm đời vua, trị vì hai mươi chín năm.

Cao Tổ Thần Vũ Đế: Tên là Hoan, tự là Gia Lục, người ở Hồn Bột, Hải Điều. Ông mất ở Tấn Lăng, an táng tại Chương Thủy.

Văn Tương Đế tên là Trừng, tự là Tử Tuệ, con trưởng của Cao Tổ, bị tướng Lương giết chết, thọ hai mươi chín tuổi.

Văn Tuyên Đế: Tên là Dương, tự là Tử Tiến, con thứ của Cao Tổ. Ông nối ngôi vị tướng của cha, triều thần muốn ông lên ngôi, sai Trương Lượng đến nói với Hiếu Tĩnh rằng: “Ngũ hành xoay vần, có đầu có cuối, xin bệ hạ hãy bắt chước Nghiêu Thuấn. Hiếu Tĩnh nghe vậy chau mày rồi trốn đi. Tề Vương Dương bèn lên ngôi, giáng phong Hiếu Tĩnh làm Trung Sơn vương. Dương bạo ngược còn hơn Kiệt Trụ. Về sau, Dương chuốc thuốc độc giết chết Tĩnh đế. Dương trị vì mười năm đổi niên hiệu là Thiên Bảo, thọ ba mươi một tuổi.

34. Thiên sư Tuệ Văn:

Vào thời Tề Cao Tổ, ngài một mình đến vùng sông Hoài. Pháp môn ngài tu người đời chẳng ai biết được. Ngài là người đạp đất đội trời mà chẳng kể cao, dày. Ngài xem Trung luận, phát minh được diệu lý. Bộ luận này do ngài Long Thọ trứ tác. Ngài là tổ thứ hai của Thiên Thai tông.

Tân Mùi: Hầu Cảnh: Ông ở Hoài Tố, lúc đầu làm tướng cho Cao Hoan, nắm mười vạn binh trấn giữ mười ba châu ở Hòa Nam. Hoan chết, ông đầu hàng vua Lương, về sau làm phản, phế Lương Cao Tổ lập Giản Đế. Trong năm này Cảnh giết Giản Đế rồi tự xưng Hán vương, đổi niên hiệu là Thái Thủy. Ông lên điện Thái Cực, leo lên ngự sàng, tiếm vị được ba tháng, sau bị Trần Bá Tiên giết chết.

35. Nguyên Đế: (Nhâm Thân)

Nguyên Đế, tên là Dịch, tự là Thế Thành. Thuở nhỏ có tự là Thất Phù, con thứ bảy của Vũ đế. Hồi ấy, cha ông nằm mộng thấy vị Tăng chột một mắt, cầm lò hương đến nói: “Ta thác sinh trong vương cung”. Sau mẹ ông nằm mộng thấy mặt trăng rơi xuống chui vô bụng bà, sau sinh ra ông. Ban đầu ông được phong làm Tương Đông vương, nắm binh trấn giữ Giang Lăng. Sau khi Đài Thành thất thủ, ông liền lên ngôi ở Giang Lăng. Sau sai Trần Bá Tiên, Vương Tăng Biện đánh Hầu Cảnh. Ông còn biết làm thơ tứ tuyệt. Ông bị Tây Ngụy Tiến sĩ Tương giết chết, thọ bốn mươi bảy tuổi, trị vì được ba năm.

- Tây Ngụy: Phế Đế: Tên là Khâm do Văn Thái lập lên. Tuy ở ngôi, nhưng muốn kiềm chế Văn Thái. Vua không thắng ông, uất hận muốn trừ khử. Thái bèn phế truất ông, lập Cung Đế làm vua. Ông ở ngôi được hai năm không đổi niên hiệu.

36. Tam tạng Chân Đế:

Thế Tôn diệt độ đã một ngàn năm trăm năm.

Thừa thánh năm đầu, Tam tạng Chân Đế sắp về Thiên Trúc. Ngài đến Quảng Châu, Thứ sử Âu Dương, Nhan Diên Chi, Sa-môn Đông Khải ở chùa Chế Chỉ... cùng thỉnh ngài dịch Khởi Tín Luận, Câu-xá Luận. Ngài có cốt cách phi phàm, thần khí thanh cao, nhẹ nhàng. Con của Nhan là Hột ở nhà riêng tại bãi sông. Mỗi lần ngài đến thăm chơi, thường lấy tọa cụ thả trên mặt nước và ngồi kiết già trên ấy, cứ thế đi rồi về mà tọa cụ chẳng hề bị ướt. Có lúc không dùng tọa cụ thì ngài bẻ một lá sen ngồi trên ấy mà qua sông. Thời bấy giờ người ta họa tượng ngài thờ rất nhiều.

37. Cư sĩ Lục Pháp Hòa ở Kinh sơn:

Thuở nhỏ ông ở ẩn trong núi Thanh Khê, Giang Lăng, hết lòng hầu hạ Sa-môn, thường giữ theo lễ của đệ tử. Lớn lên ông xuất du. Giọng ông sang sảng, tướng mạo dị thường, tiết tháo và đạo hạnh của ông cao vời rất được Lương Tương Đông Vương trọng vọng. Tiếng tăm của ông lan xa, các bậc công khanh rất khâm phục ông. Hồi ấy, Hầu Cảnh mới đầu hàng, ông biết về sau thế nào Cảnh cũng phản. Ông nói với Chu Nguyên Anh, nhưng Anh không hiểu ý ông.

Sau đó không lâu, Cảnh vây kinh thành, Nguyên Anh đến ông cầu kế sách. Ông nói:

- Muốn hái quả phải đợi lúc nó chín.

Cảnh sai tướng Nhiệm Ước đem binh đánh Tương Đông Vương, ông bèn xin đem quân đi chống địch. Ông đắp tường lũy ở hồ Xích sa. Bọn giặc thừa sức gió phóng lửa đốt lò, ông bèn dùng lông chim trắng quạt gió, gió liền thổi ngược lại, quân của Ước đại bại. Binh sĩ đi tìm Ước mà chẳng thấy, ông bảo bọn họ:

- Trong cồn đất có kẻ chết đuối, Ước ở ngay đó, hãy đến mà bắt sống.

Lính đến quả nhiên bắt được Ước. Thấy Ước là người tài ông bèn tha và nói với Tương Đông Vương:

- Người này có sức, ngày sau tất được việc. Quả nhiên sau đó Ước lập được công lớn.

Những sông hồ mà ông đến, ông đều lập ao phóng sinh, dạy người khác không sát sinh. Tương Đông Vương lên ngôi, đó là Nguyên Đế, phong ông làm thứ sử Trình châu. Lúc đó Pháp Hòa muốn cử binh bình định đất Ngụy, nhưng vua không cho, ông cười nói:

- Bảo tòa của Thích Phạm Thiên Vương ta còn không thêm, lẽ đâu lại muốn dòm ngó ngôi vị của nhân vương ư! Chỉ vì ta với nhà vua có nhân duyên từ thời Phật Không Vương, nếu không dùng kế sách này thì thành tựu nghiệp lớn sao được.

Cuối cùng vua bại trận chạy sang Tề. Tề Tuyên Đế vui mừng đón tiếp và phong vua tước Thái úy, ban tặng ông hàng phẩm cao nhất. Pháp Hòa chỉ xin ngôi chùa rồi ở mãi trong đó. Hàng ngày ông đốt hương kính hành lạy Phật, tọa thiền, chuẩn bị trước cho ngày chết, ông ngồi thẳng mà mất, thi thể ông co rút lại còn hơn ba thước. Trước lúc mất, ông viết trên vách rằng:

Mười năm thiên tử còn làm được

Trăm ngày thiên tử gấp như lửa

Cả năm thiên tử đổi chỗ ngôi.

Lại viết:

Hai mẹ sinh ba vua

Hai vua trị năm năm.

Đó là chỉ Lữ Thái hậu. Ai nấy đều sợ bức vách ấy nên phá đi, nhưng rốt cuộc vẫn không phá được. Những việc thần dị của ông đại loại như vậy.

38. Vua Bắc Tề hạ chiếu mời Thiên sư Tăng Trù vào triều:

Niên hiệu Thừa Thánh thứ hai, Bắc Tề Cao Đế hạ chiếu mời Thiên sư Tăng Trù vào triều. Ngài sắp đi, trong núi bỗng chấn động, chim thú đều kêu rất buồn bã đến ba ngày mới hết. Ngài đến kinh sư, vua ra giữa đường đứng đợi và nghênh đón ngài, mời ngài vào cung truyền Bồ-tát giới. Từ đó, ngài cấm không được giết chim nhạn, chó và những thứ thương tổn đến sinh linh để cúng tế ngũ phương, cấm trong thành không được dựng lò mổ. Ngài ở trong cung bốn mươi ngày. Vừa ra ở chùa ngoài thành, vua liền có chiếu chỉ bỏ việc giảng pháp, bắt mọi người phải theo Sa-môn tu tập thiền quán. Ngài liền vào cung can vua cho rằng hễ thông được lý của giáo môn thì mới diệt trừ được mê muội, do đó cần phải nhờ vào nghe giảng và được giảng sư trao truyền kiến giải, xin nhà vua chớ cấm việc giảng pháp. Vua chấp nhận ý kiến của ngài

Đến khi Tuyên Đế lên ngôi, vẫn thường đến học hỏi ngài. Vua đến, ngài chỉ ngồi trên giường mà không ra nghênh đón. Học trò của ngài có người khuyên ngài nên nghênh đón vua. Ngài nói:

- Xưa Tôn giả Tân-đầu-lô đi ra bảy bước để nghênh đón A-dục vương khiến cho nhà vua bảy năm bị mất nước. Bần đạo tuy là người thiếu đức nhưng vẫn là chỗ dựa để cho nhà vua tạo phước vậy.

Lúc ấy có kẻ dèm pha với vua, vua liền quản thúc ngài. Sau đưa về chùa và ra lệnh giết ngài vì tội bất kính. Ngài đều biết trước cả. Khi vua đến chùa thì ngài đã ra khỏi chùa mười dặm đứng đợi vua. Vua thấy lạ, bèn hỏi nguyên do. Ngài đáp:

- Vì tôi sợ máu của mình làm ô uế Già-lam nên mới ra xa như vậy để chịu chết.

Vua nghe thất kinh liền lay tạ sám hối, và nói với bề tôi là Dương Tuân rằng:

- Trẫm mê muội đã trách nhầm Thánh sư.

Thế rồi vua lại cung kính ngài như trước. Nhân đó ngài khai thị

vua rằng:

- Bệ hạ tiền thân vốn là La sát, tâm hiếu sát ngày nay là do tập nghiệp ngày trước còn.

Vua hỏi:

- Làm sao thầy biết được?

Ngài bèn xin một bát nước, chú nguyện xong bèn bảo vào nhà, vua nhìn vào, quả nhiên tướng trạng của vua đúng là La-sát, lại còn có bầy La-sát tùy tùng theo. Vua thất kinh, từ đó vua đoạn tuyệt ăn mặn, cả ngày ngồi thiền, lạy Phật, hành đạo tinh tấn tu hành.

39. Kính Đế. (Giáp Tuất)

Kính Đế tên là Phương Trí, tự là Tuệ Tướng, thuở nhỏ có tự là Pháp Chân. Ông là con thứ chín của Nguyên Đế. Nguyên Đế bị Tây Ngụy đánh phá Giang Lăng và giết chết. Trần Bá Tiên liền giết Vương Tăng Biện rồi lập ông làm vua. Ông phong Bá Tiên làm tướng, rồi tấn phong làm Trần Vương. Ông thọ mười sáu tuổi, trị vì được hai năm.

Tây Ngụy Cung Đế: Tên là Quách, con thứ tư của Văn Đế. Do Vũ Văn Thái nghe lời dèm pha của Liễu Thích nên phế Khâm rồi lập ông. Thái chết, con là Giác nối ngôi vị tướng của ông và được phong làm Chu Công. Bấy giờ vua mới mười lăm tuổi, chú của Giác là Vũ Văn Hộ ép vua nhường ngôi cho Giác, rồi phong vua làm Tống Công. Ông làm vua được ba năm.

- Ất Hợi: Đổi niên hiệu là Thiệu Thái.

* Hậu Lương: Họ Tiêu, đóng đô ở Giang Lăng. Lôi thị nói: “Tuyên Sát, Khuy, Tông, Tây Ngụy, Phụ Dung, Hậu Lương gồm ba đời vua, trị vì ba mươi bốn năm.

Tuyên Đế: Tên là Sát, tự là Lý Tôn, người ở Lan lăng. Ông là cháu của Vũ Đế, con thứ hai của Chiêu Minh Thái tử. Vũ Văn Thái lập ông ở Giang Lăng. Ông trị vì được tám năm, đổi niên hiệu là Đại Định, thọ bốn mươi bốn tuổi.

40. Vua Bắc Tề ban sắc lệnh cho Lục Tu Tĩnh Và Pháp sư Đàm Hiển so tài.

Tháng chín, năm Thiên Bảo thứ sáu, vua Bắc Tề ban sắc lệnh cho Sa-môn cùng đạo sĩ đắc đạo gồm mười người so tài với nhau. Hội ấy, bọn đạo sĩ Lục Tu Tĩnh ở Kim Lăng bị Lương Vũ Đế không dùng bèn chạy sang Ngụy, nhờ đó ngày một hưng thịnh. Nhưng Tề Văn Đế lại theo đạo Phật nên bọn Tĩnh rất đố kỵ. Tĩnh bèn đến triều đình xin được

phép cùng thi thố với Sa-môn. Vua có chiếu chỉ sai Pháp sư Thượng Thống chọn ngày để họ so tài.

Đến ngày so tài, vua triệu tập tất cả công khanh đến dự. Bọn Tĩnh dùng phù chú chú nguyện làm cho y bát của tăng và rường cột trong điện đều rung động. Chư Tăng chỉ nhìn nhau chẳng ai biết phải so tài thế nào. Bấy giờ chúng hội đều nhón nháo cả lên cho rằng đạo gia thắng. Bọn Tu Tĩnh được thế càng cao ngạo, kiêu căng coi thiên hạ chẳng ra gì, cho mình thuộc vào hàng thần tiên. Tĩnh còn nói:

- Sa-môn hiện một thì ta hiện hai. Nay ta mới chỉ dùng một phép thuật nhỏ để mọi người xem đấy thôi.

Vua quay lại hỏi Thượng Thống:

- Nhà Phật không có ai thi thố sao?

Thống thưa:

- Những phép thuật tiêu khiển ấy bọn Nhọ tục còn làm được, huống gì là người xuất gia. Nay đã có lệnh của vua thần không dám chống đối, thần xin mời một vị Tăng thấp kém nhất trong chúng hội này trở tài phép thuật.

Lúc ấy, có Pháp sư Đàm Hiển (chẳng biết quê quán sư ở đâu) đang say rượu ngồi ngất ngưỡng dưới tòa. Thống sai hai người dìu sư lên tòa cao. Lên xong, Sư cười nói:

- Đã đến nước này thì ta xin so tài thử với kẻ đã làm cho y bát rường cột chấn động.

Nói xong, Sư liền sai người đem y bát của Thiên sư Tăng Trù để ngay trên đất bảo Tĩnh phù phép. Bọn Tĩnh cố hết sức giở hết phép thuật, nhưng y bát vẫn chẳng động đậy gì. Vua liền bảo đem y lại vua xem, nhưng có đến mười người mà nhấc cái y chẳng nổi. Đàm Hiển lại lấy y vắt lên xà nhà rồi bảo Tĩnh phù phép, rớt cuộc rường trong điện chẳng hề lung lay. Hiển nói tiếp:

- Lúc này ta say nhưng tai ta vẫn nghe ông nói: Sa-môn hiện một thì ông ông hiện hai, đúng vậy không?

Tĩnh đáp:

- Đúng vậy.

Hiển liền co một chân rồi nói:

- Ta đã hiện một, ông hãy hiện hai xem.

Bọn Tĩnh nín thình không làm được. Bọn họ nhìn nhau hoảng sợ tái mặt, chỉ riêng Lục Tu Tĩnh vẫn còn muốn cậy vào ba tấc lưỡi của mình để mong chiến thắng Sa-môn. Tĩnh nói:

- Đạo Phật của ông tự cho mình là nội đạo, mà nội thì phải nhỏ;

cho đạo gia là ngoại đạo, mà ngoại thì lại lớn, đúng không?

Đàm Hiển liền đáp:

- Ông nói vậy thì thiên tử ở trong chốn cửu trùng tức là nhỏ hơn trăm họ ở ngoài ư?

Tĩnh nghẹn họng không đáp được. Quần thần bấy giờ đều hô vạn tuế, họ vui mừng hơn hởi ra về.

Phong cách của Đàm Hiển rất phóng khoáng, những việc Sư làm không ai lường được. Về sau không ai biết Sư thị tịch ở đâu.

Ngày tháng mười, vua đích thân xem kho sách trong cung. Trong tháng này, Văn Đế hạ chiếu: “Pháp môn chẳng hai, chân pháp chỉ một, muốn cầu con đường chân chánh phải lấy vắng lặng, thanh cao làm gốc. Cái đạo cúng tế rượu thịt vốn là đạo bất chánh. Do chưa thấu triệt nên có nhiều kẻ thế tục tôn sùng. Men rượu tuy ngon nhưng làm con người mê muội, đích thị là tà tông. Đạo này vốn trái với nguồn gốc cúng tế, đi ngược với nghi thức tế tự, nên từ nay về sau cấm không cho ai tu theo đạo này nữa. Bọn đạo sĩ, những người nào tự cho mình là thần tiên thì phải bay được lên đài Tam tước, nếu không làm được như vậy thì nên cải mê quy chân, hãy đến Pháp sư Chiêu Huyền Thượng Thống mà cầu thế phát xuất gia”.

Nước Tề từ đó không còn bọn đạo gia lưu hành nữa.

41. ĐỖ BẬT THỜI BẮC TỀ.

Đỗ Bất tự là Phụ Ngôn, người ở Trung Sơn, Khúc Dương. Năm mười ba tuổi ông đỗ Tiến sĩ. Ông biện luận tinh thông, hạ bút thành văn. Vương Trường nghe ông đối đáp phải khen: “Thật là kẻ tài ba đáng giúp vua”.

Cao Hoan rất kính phục ông, bèn nhờ Ngụy đế vấn nạn để biết Bất tinh thông Phật lý đến mức nào. Ngụy Đế hỏi:

- Phật tánh và pháp tánh khác nhau như thế nào?

Đỗ Bất đáp:

- Chỉ là Nhất lý.

Đế hỏi:

- Người giảng pháp cho rằng pháp tánh rộng, Phật tánh hẹp, như vậy đúng không?

Đỗ Bất đáp:

- Ở trong rộng thì rộng, ở trong hẹp thì hẹp. Nếu luận về thể của tánh thì nó chẳng rộng chẳng hẹp.

Đế hỏi:

- Đã nói thành rộng thành hẹp, sao lại chẳng rộng chẳng hẹp được?

Bật đáp:

- Nếu nó cố định là rộng thì không thể thành hẹp. Nếu nó cố định là hẹp thì cũng không thể thành rộng được. Do nó chẳng rộng chẳng hẹp nên có thể thành rộng mà cũng có thể thành hẹp. Đối tượng hình thành tuy khác, nhưng chủ thể năng thành chỉ là một.

Ngụy đế khen:

- Hay! Hay thật!

Ông phụng chiếu đi sứ xong liền trở về. Văn Tương hỏi ông việc trị nước thế nào, thì ông đáp:

- Điều mà thiên hạ quan tâm nhất không ngoài thưởng phạt. Thưởng cho một người thì thiên hạ an vui, phạt một người thì thiên hạ khuaít phục. Thưởng phạt công bằng thì việc làm tự nhiên toàn thiện.

Văn Tương nghe xong, vui mừng nói:

- Lời lẽ tuy ít nhưng đạo lý thật thâm sâu, cốt yếu.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Thái Bình. Tây Ngụy tồn tại hai mươi lăm năm, rồi truyền ngôi cho Vũ Văn Chu.

* Hậu Tề.

42. Tề Thư trước tác Vương Thiệu Thuật Phật:

Trong bài tựa nói: “Tướng của Nguyên Ngụy mưu lược, nhưng vận nước tiêu tan. Túc Tông, Hiếu Minh Đế kính trọng Phật pháp. Hồ Thái hậu đích thân lâm triều giải quyết chánh sự. Trong ngoài ai nấy đều được yên vui. Đến khi Minh Đế băng hà, Hồ Thái hậu cũng mất, Cao Hoan giết bọn phản nghịch Nhĩ Chu Vinh ở đất Nghiệp, đốt phá cung thất ở Lạc Dương, tôn Thanh Hà Quận vương lên làm vua ở đất Nghiệp. Trong mười bảy năm Hoan ra sức khuôn phò triều Ngụy. Đến khi Thái Thanh năm thứ ba, Vũ Đế mất và Cao Hoan cũng chết, thì Thái tử Trừng chiếm ngôi. Không bao lâu Trừng cũng mất. Ngụy Tĩnh Đế nhường ngôi cho Cao Dương, tức con thứ ba của Hoan. Họ Cao vốn là người Vũ Xuyên nhưng đóng đô ở đất Nghiệp. Thời bấy giờ vận nước rối ren, trí ngu lẫn lộn. Trong hơn mười năm khi giáo pháp hưng thịnh đã có đến hai triệu Tăng, hơn bốn mươi ngàn ngôi chùa. Sáu đời vua nối nhau trị vì tổng cộng hai mươi tám năm, cuối cùng bị nhà Chu diệt.

Tề Thư có trước tác bộ Vương Thiệu Thuật Phật, trong ấy nói: “Họ Thích chẳng phải là những kẻ có kiến thức cạn cợt hiểu được, họ chỉ tự tiện nói càn.” Trong ấy lại dẫn Ngự Khẩu Thư, thuật lại việc

Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử về việc của Thánh nhân. Lại cho rằng, hoàng đế dạo chơi trong nước họ Hoa Tư, mà nước Hoa Tư là cảnh giới mà Phật dạo chơi. Những gì trong ấy nói có phần ảnh hưởng đến Phật.

Đến đời Thạch Phù Diêu, kinh được dịch ra rất nhiều. Do muốn thu phục lòng người nên dùng ngụ ngôn làm phương tiện mà chẳng biết nó thân dị như thế nào. Rộng lớn thay! Mênh mông thay!

Trong đó nói đến thân tâm thiện ác của con người cùng nhân duyên của việc đời, dựa trên tinh thần Từ, Bi, Hỷ, Xả, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Bộ sách biện luận rất linh hoạt, rõ ràng như mặt trời, mặt trăng, chẳng phải bậc thánh giác thì không ai có thể chứng đắc được. Hễ tùy thuận thì việc trước tiên cần phải nhất niệm. Người thấu đạt lý thì phải thận trọng thân nghiệp khẩu nghiệp, phải tu định tuệ. Bình đẳng, giải thoát, cứu cánh, Bồ-đề cho đến những gì Bích-chi-phật tu đều không thể thông lý. Tốn công tốn sức nhưng rốt cuộc hoài công vô ích. Cũng như Lục kinh vẫn có điều sơ suất mà chưa đạt đến chỗ thâm sâu nhất.

Đinh Sửu: Nhà Lương trị vì năm mươi bảy năm rồi truyền ngôi chonhà Trần.

* Hậu Chu: Họ là Vũ Văn. Vương Mộc Đức đóng đô ở Trường An, tổng cộng gồm năm đời vua.

Lôi thị nói: “Thái Tổ, Mẫn Minh, Vũ, Tuyên, Tĩnh, hậu Chu gồm năm đời vua, trị vì hai mươi lăm năm”.

43. Chu Vũ Đế ghét phái Hắc y, phá diệt Phật giáo:

Trong bài tựa nói: “Tổ mở nghiệp nhà Chu là Vũ Văn Giác, tức Thái tử của Ngụy đại thừa tướng Văn Thái. Thái tôn Cao Dương vương làm vua, dời đô về Trường An, lấy hiệu là Tây Ngụy trị vì mười tám năm. Sau phế vua rồi lập Tề vương. Được bốn năm thì Thái chết. Giác nối ngôi nhưng cũng bị phế trong năm đó, rồi lập con là Dục lên ngôi. Bốn năm sau Dục chết, lại lập em là Ung tức là Chu Vũ đế. Được hơn mười năm, đến đầu niên hiệu Kiến Đức, Vũ Đế bị đám đạo sĩ Trương Tân mê hoặc, nên ghét phái Hắc y, hủy diệt Phật giáo. Vũ đế phá hoại hơn bốn mươi ngàn ngôi chùa, bắt hơn ba triệu Tăng phải hoàn tục. Bình định Tề không bao lâu Vũ Đế đổi niên hiệu là Tuyên Chánh. Đến tháng năm Vũ Đế mất. Thái tử Bân lên ngôi tự xưng là Thiên Nguyên Hoàng đế. Đại Tượng năm thứ hai, tháng năm Bân mất. Thái tử Diễn lên ngôi. Tháng hai năm sau Diễn nhường ngôi cho nhà Tùy. Nhà chu gồm năm đời vua, trị vì hai mươi lăm năm thì mất nước. Hồi ấy Vũ Văn

Thái và đại trũng tử Vũ Văn Hộ đều rất kính ngưỡng Phật pháp. Hai ông cùng hơn mười Sa-môn Tây Vực giảng dịch kinh luận, thiên văn... Cả thầy hơn một trăm quyển.

Chu Thái tử Văn Hoàng đế: Thuở nhỏ có tự là Hắc Thát, người ở Quận Đại, Vũ Xuyên. Tiên tử xuất thân từ hậu duệ của Viêm đế, mà Viêm là kẻ thù của Hoàng đế, nên con cháu ông phải trốn qua sinh sống tại Sóc Dã. Ông có cháu tên là Tổ Hồi nhân lúc đi săn lượm được ngọc tỷ, đó là ngọc tỷ của Hoàng đế. Hồi cho rằng đó là trời ban. Người ta cho rằng Thiên Văn tức là Vũ. Nhân đó Hồi lấy quốc hiệu và họ là Vũ Văn. Sau ông phế nhà Tề rồi lên làm vua.

Hiếu Mẫn đế: Tên là Giác, thuở nhỏ tự là Đà-la-ni, là con thứ hai của Văn đế. Văn Thái mất, ông nhận ngôi từ Ngụy Cung đế. Ông không đổi niên hiệu. Vương Mộc Đức trị vì được hai năm.